

### **KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT**

SKKN	: Sáng kiến kinh nghiệm.
PPDH	: Phương pháp dạy học.
PP	: Phương pháp.
GV	: Giáo viên.
HS	: Học sinh.
THCS	: Trung học cơ sở.
SGK	: Sách giáo khoa.
GD – ĐT	: Giáo dục đào tạo.
ĐH	: Đại học.

## PHẦN MỞ ĐẦU

### *1. Lý do chọn đề tài*

Trong thời đại ngày nay, thời đại của công nghệ, hội nhập và phát triển, nhân loại đều hướng đến chân trời tri thức mà hạt nhân là giáo dục. Thước đo quan trọng cho năng lực sáng tạo của mỗi người trong nền kinh tế tri thức chính là tốc độ tư duy, khả năng biến đổi thông tin thành kiến thức và từ kiến thức tạo ra giá trị. Trong xu thế đó, sản phẩm đào tạo phải là những con người năng động, sáng tạo, có khả năng học thường xuyên, học suốt đời nhằm thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ và yêu cầu thị trường lao động.

Để đào tạo con người phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu và những thách thức gay gắt của hội nhập và phát triển, cần phải đổi mới và hiện đại hóa phương pháp giảng dạy ở mọi cấp học, ngành học. Trong bộ môn giáo dục học, dạy học là một quá trình sư phạm tổng thể, là quá trình tác động qua lại giữa giáo viên và học sinh, nhằm truyền thụ và lĩnh hội những tri thức khoa học kỹ năng, kỹ xảo hoạt động nhận thức và thực tiễn, dựa trên cơ sở đó phát triển năng lực tư duy đặc biệt là tư duy sáng tạo, hình thành một thế giới quan khoa học.

Mục tiêu của bậc trung học cơ sở là hình thành và phát triển được nền tảng tư duy của con người trong thời đại mới. Xét cho cùng thì thông qua dạy kiến thức và kỹ năng để đạt được mục tiêu hình thành và phát triển năng lực tư duy, trí tuệ của học sinh, thông qua việc dạy và học tư duy chúng ta sẽ tạo được nền móng trí tuệ, cách suy nghĩ để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Vậy mục tiêu quan trọng nhất của quá trình dạy và học là giúp cho học sinh phát triển được tư duy. Giáo viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực, trong đó lấy người học làm trung tâm nhằm tạo hứng thú, kích thích khả năng tư duy để hình thành nên thói quen tư duy. Thói quen tư duy sẽ được hình thành qua thời gian từ hiểu, nhớ, và tái hiện lại khi giải quyết vấn đề.

Những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ thông tin, đang làm thay đổi nhanh chóng diện mạo của thế giới, thúc đẩy nhanh chóng tốc độ hội nhập và toàn cầu hóa, theo đó làm thay đổi mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy - học. Ngày nay, nội dung giảng dạy mang tính hiện đại và phát triển, phương pháp giáo dục coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo và tạo tiền đề để họ có khả năng tự học suốt đời. Vì vậy, một xu hướng giáo dục thịnh hành ngày nay là khơi dậy và nuôi dưỡng tính ham muốn học hỏi của sinh viên, hơn là nhồi nhét cho họ một lượng kiến thức lớn. Nói cách khác, giảng dạy là phải nhắm đến mục tiêu khai thác và tận dụng nội lực của sinh viên để họ tự học thêm. Tính ham học này phải được duy trì suốt đời. Lượng kiến thức cần thiết là hành trang cho mỗi người bước vào tương lai là rất lớn, và những kiến thức này liên tiếp thay đổi nhanh chóng theo thời gian. Người học và người thực hành cần phải có thái độ “học, học nữa, và học mãi” để trở thành một người trí thức thực sự.

Khi bàn về phương pháp giáo dục J.Piaget đã rất nhấn mạnh đến vai trò hoạt động của học sinh. Ông nói: “*trẻ em được phú cho tính hoạt động thực sự và giáo dục không thể thành công nếu không sử dụng và không thực sự kéo dài tính hoạt động đó*”. Như vậy có thể nói hoạt động của mỗi học sinh trong quá trình giáo dục và giáo dưỡng là yếu tố không thể thiếu được, cho nên trong quá trình dạy học làm sao để người học được hoạt động, và được làm chủ hoạt động của mình, giáo viên chỉ là người hướng dẫn học sinh tham gia hoạt động đó như thế nào, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong giờ học.

Với sự phát triển không ngừng của thế giới hiện nay, nhu cầu của con người là rất nhiều, phức tạp, và luôn luôn thay đổi, quá trình dạy học không thể đáp ứng nhu cầu của mỗi cá nhân, mà đòi hỏi phải đáp ứng nhu cầu chung của toàn xã hội. Điều đó, không có nghĩa là lãng quên nhu cầu của từng cá nhân mà quá trình dạy học là quá trình người dạy phải biết lắng nghe nhu cầu của người

học, biết khơi dậy nhu cầu của người học. Cách dạy học này mới hiệu quả, và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Từ những thực tế trên, vấn đề đặt ra cho ngành giáo dục, người quản lí giáo dục, giáo viên, học sinh... làm thế nào để dạy học không phải “theo nhu cầu” của người học, mà phải làm sao để “khơi dậy nhu cầu” học của người học?

Đối với môn Lịch sử, với những đặc trưng riêng và trước thực trạng về thái độ học tập môn Lịch sử như hiện nay của học sinh trung học cơ sở thì việc khơi dậy nhu cầu học tập môn Lịch sử ngày càng cấp bách và cần thiết hơn bao giờ hết. Xuất phát từ thực tế của xã hội, của thời đại và của nền giáo dục, trong quá trình giảng dạy với niềm say mê, hứng thú nghiên cứu, tìm tòi nâng cao trình độ hiểu biết và thực hành cho bản thân tôi lựa chọn đề tài “*Xây dựng một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS*”, với mong muốn góp phần nhỏ công sức của mình vào việc nâng cao chất lượng dạy và học môn lịch sử ở trường THCS.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu nhằm đưa ra cho giáo viên một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh, từ đó nâng cao hiệu quả dạy và học môn Lịch sử.

## **3. Đối tượng khảo sát, thực nghiệm**

- *Đối tượng nghiên cứu:*

Một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử ở trường THCS.

- *Khách thể nghiên cứu:*

Phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường THCS.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Giáo viên chỉ có thể tạo nhu cầu học tập lịch sử cho học sinh khi các

phương pháp dạy học phải tính đến các yếu tố tâm lý như: đặc điểm tri giác, đặc điểm cá nhân, đặc điểm nhân cách, sở thích... của các đối tượng học sinh.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

1. Tìm hiểu thực trạng về nhu cầu và thái độ học tập môn Lịch sử của học sinh THCS.

2. Xây dựng một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THPT nhằm khơi dậy niềm đam mê, sự hứng thú và nâng cao chất lượng học tập môn Lịch sử.

### **6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

Đề tài giới hạn phạm vi nghiên cứu sử dụng một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử của học sinh trường THCS Thái Thịnh.

Thời gian: Từ năm 2011 - 2014.

Không gian: Tại trường THCS Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội.

### **7. Phương pháp nghiên cứu**

1. Phương pháp phân tích tư liệu lý luận.
2. Phương pháp điều tra xã hội học.
3. Phương pháp thực nghiệm.
4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm.

### **8. Cấu trúc của sáng kiến kinh nghiệm (SKKN)**

SKKN gồm ba phần:

- Phần mở đầu:

- Phần nội dung chính gồm 3 chương:

+ *Chương 1: Lý luận chung về nhu cầu.*

+ *Chương 2: Thực trạng về nhu cầu học tập môn Lịch sử của học sinh THCS.*

+ *Chương 3: Đề xuất một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS.*

- Phần kết luận chung:

## PHẦN NỘI DUNG

### Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Lý luận chung về nhu cầu

##### 1.1.1. Một số quan điểm về nhu cầu

Ở mỗi giai đoạn lịch sử, nhu cầu lại được con người hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau dựa theo điều kiện, hoàn cảnh xã hội ở thời đại đó. Sở dĩ như vậy, là bởi bản thân nhu cầu của mỗi người là rất khác nhau.

Theo Nguyễn Khắc Viện trong cuốn từ điển Xã hội học cho rằng: “*mọi hành vi của con người đều do sự kích thích của những nhu cầu nào đó, nhu cầu thể hiện sự lệ thuộc của một cơ thể sống vào môi trường bên ngoài, thể hiện thành những ứng xử tìm kiếm khi cơ thể những điều kiện để tồn tại và phát triển*”.

Con người trong mối quan hệ với môi trường xung quanh như thiên nhiên, xã hội từ đó hình thành những đòi hỏi về vật chất, văn hóa, tinh thần. Đó là nhu cầu. Theo nghĩa hẹp thì nhu cầu là những yêu cầu cần thiết của con người để sống và tồn tại. Theo nghĩa rộng, đó là tất cả những yêu cầu của con người để tồn tại và phát triển.

Theo Lê Hữu Tầng đưa ra quan niệm về nhu cầu: “*nhu cầu là những đòi hỏi của con người, của từng cá nhân, của các nhóm xã hội khác hoặc toàn xã hội muốn có những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển*”.

Theo Tiến sĩ Lê Thị Kim Chi, đã định nghĩa khái niệm nhu cầu như sau: “*Nhu cầu là những trạng thái thiếu hụt và những đòi hỏi cần được đáp ứng của chủ thể (con người và xã hội) để tồn tại và phát triển*”.

Từ những quan điểm của các nhà nghiên cứu, ở mỗi giai đoạn lại đưa ra những quan điểm khác nhau về khái niệm nhu cầu, nhưng về cơ bản thì những

định nghĩa đó đều có đặc điểm chung. Tuy nhiên, Tôi thấy khái niệm về nhu cầu của Tiến Sĩ Lê Thị Kim Chi gọn gàng và đầy đủ nhất.

Theo định nghĩa trên, “trạng thái thiếu hụt” chính là những mong muốn về một điều gì đó của con người trong quá trình sống có thể là trạng thái thiếu hụt về vật chất hoặc về tinh thần, và “đòi hỏi” yêu cầu phải được thỏa mãn có như vậy thì con người mới tiếp tục tồn tại và phát triển phù hợp với từng giai đoạn phát triển của xã hội.

### ***1.1.2. Đặc điểm của nhu cầu***

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, xã hội loài người vận động và phát triển theo quy luật thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội, sự thay thế này lại chịu sự quy định của các lực lượng sản xuất. “*Ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, các thế hệ kế tiếp nhau được thừa hưởng một kết quả vật chất nhất định, một tổng số nhất định của lực lượng sản xuất*”, đồng thời cũng bổ sung thêm lực lượng sản xuất mới. Những lực lượng sản xuất này sẽ góp phần thỏa mãn những nhu cầu cơ bản, sống còn và những nhu cầu ngày một cao của con người. Điều đó cũng có nghĩa là nhu cầu đã kích thích sự phát triển lực lượng sản xuất, là động lực hoạt động của con người và của mọi sự biến đổi xã hội.

Như chúng ta biết, sự xuất hiện của con người và loài người là kết quả của sự tiến hóa của thế giới vật chất ở giai đoạn cao. Con người xuất hiện thì đồng thời cũng xuất hiện các nhu cầu đảm bảo cho sự sinh tồn và phát triển của mình. Để thỏa mãn các nhu cầu đó, con người phải hành động và đó chính là hành vi lịch sử đầu tiên của loài người. Vấn đề này, C.Mác đã khẳng định: “*tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người, và do đó, là tiền đề của mọi lịch sử, đó là: người ta có khả năng sống rồi mới có thể “làm ra lịch sử”*”. Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu



để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất. Hơn nữa, đó là một hành vi lịch sử, một điều kiện cơ bản của mọi lịch sử mà (hiện nay cũng như hàng nghìn năm về trước) người ta phải thực hiện hằng ngày, hằng giờ, chỉ để nhằm duy trì đời sống con người”.

Vì vậy, lao động sản xuất của con người là hành vi lịch sử đầu tiên tạo ra các sản phẩm để thỏa mãn những nhu cầu của mình. Mặt khác, không có nhu cầu thì không có sản xuất. Chính sự tác động qua lại giữa con người với con người; giữa con người và môi trường; giữa con người với sản xuất... Làm cho nhu cầu nảy sinh và tồn tại. Bởi vì, một mặt nhu cầu nảy sinh trước hết là do tác động của hoàn cảnh bên ngoài đến chủ thể, trong đó có tác động của hoạt động sản xuất. Và hoạt động sản xuất chính là hoạt động để làm ra các đối tượng nhằm thỏa mãn các nhu cầu. Cho nên, theo Tiến Sĩ Lê Thị Kim Chi, thì nhu cầu vừa mang tính *khách quan*, vừa mang tính *chủ quan*.

Mặt khác, nhu cầu nảy sinh còn phụ thuộc vào các trạng thái riêng của từng chủ thể. Bởi vì, nhu cầu còn phụ thuộc vào trình độ hiểu biết, nhân cách, lối sống, phong tục tập quán, giá trị văn hóa của chủ thể. Như vậy, nhu cầu vừa mang tính chủ quan, vừa mang tính *cá nhân*, tính *cụ thể*. Chẳng hạn, ở trong một gia đình mỗi thành viên thường có các nhu cầu cần thiết khác như ông bà thường có nhu cầu chăm sóc sức khỏe; bố mẹ thường có nhu cầu làm ra tiền để bảo đảm cuộc sống cho gia đình; con cái thường có nhu cầu học hành, vui chơi, giải trí.

Nhu cầu còn mang *tính sinh học* nhằm đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển sinh học của con người, nhưng mặt khác nhu cầu lại mang *tính xã hội*, thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, dù là của riêng mỗi cá nhân nhưng nhu cầu chỉ có thể được đáp ứng nhờ nền sản xuất xã hội, bị nền sản xuất đó quy định và vì vậy, chúng mang tính xã hội rõ rệt. Các nền sản xuất đưa ra những sản phẩm khác nhau, nên nhu cầu được thỏa mãn theo sự quy định của nền sản xuất.

Thứ hai, cùng là những nhu cầu như nhau, nhưng ở mỗi thời đại, mỗi xã hội lại đáp ứng chúng theo những cách khác nhau, phù hợp với điều kiện lịch sử và mức độ phát triển của xã hội đó. C. Mác đã từng nói: “*Cùng là cái đói, nhưng cái đói được thỏa mãn bằng đĩa và dao khác với cái đói ngón ngấu thịt sống bằng bàn tay, móng tay và răng*”.

Thứ ba, nhu cầu được được đáp ứng trong khuôn khổ của phong tục tập quán (văn hóa) của cộng đồng và bị quy định bởi văn hóa cộng đồng, mà mỗi nền văn hóa xã hội đều có văn hóa ẩm thực, văn hóa trang phục khác nhau.

Thứ tư, nhu cầu bao giờ cũng có tính đối tượng. Khi nào nhu cầu gặp đối tượng có khả năng đáp ứng sự thỏa mãn thì lúc đó nhu cầu trở thành động cơ thúc đẩy con người hoạt động nhằm tới đối tượng

Như vậy, nhu cầu là một mâu thuẫn, vừa xuất hiện lại vừa mất đi (khi đã hoàn toàn thỏa mãn rồi), rồi lại tiếp tục nảy sinh những nhu cầu mới. Chính vì vậy, những nhu cầu nhất của con người là có *tính lịch sử, cụ thể* nhưng tổng thể các nhu cầu thì lại tồn tại vĩnh viễn với đời sống hoạt động của con người và loài người. Nhu cầu và hoạt động thỏa mãn nhu cầu, cũng như những việc sáng tạo thỏa mãn những nhu cầu mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người còn mang bản chất xã hội và nhân văn của hoạt động người.

Từ những đặc điểm trên, có thể nói rằng, trong cuộc sống con người càng hoạt động bao nhiêu thì lại càng nảy sinh nhu cầu bấy nhiêu. Trong mỗi con người luôn luôn xuất hiện các nhu cầu và con người hoạt động đều nhằm thỏa mãn những nhu cầu ấy. Nhu cầu chính là nguồn gốc tạo động cơ, động lực thúc đẩy con người hoạt động và phát triển. Người làm giáo dục, cần tìm hiểu nhu cầu của xã hội, của từng cá nhân học sinh, cần phải đưa học sinh vào các hoạt động lành mạnh, đặc biệt là các hoạt động học tập để khơi gợi, làm nảy sinh nhu cầu học tập thực sự của các em - nhu cầu tiếp thu tri thức. Qua đó để có thể đưa ra những biện pháp giáo dục hiệu quả nhằm đào tạo ra những thế hệ tương lai

của đất nước phát triển một cách toàn diện phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đó chính là động lực phát triển của đất nước. Riêng với khoa học lịch sử nhu cầu xã hội cần tăng cường hơn nữa để kích thích nhu cầu của học sinh vào các hoạt động học tập lịch sử phong phú với nhiều hoạt động để học sinh tự phát triển chu cầu lĩnh hội tri thức lịch sử, biến nhu cầu thành động cơ học tập bên trong.

### ***1.1.3 Phân loại nhu cầu***

Nhu cầu được phân loại theo các tiêu chí khác nhau:

- *Theo tính chất*: Có nhu cầu tự nhiên (mang tính bẩm sinh: nhu cầu ăn, ở, mặc, an toàn tính mạng...) và nhu cầu xã hội, những nhu cầu do cuộc sống tạo nên: nhu cầu học tập, sáng tạo, nghệ thuật.

- *Theo đối tượng thỏa mãn nhu cầu*, có nhu cầu vật chất (ăn, mặc, mua sắm...) và nhu cầu tinh thần (giao tiếp, thưởng thức nghệ thuật, vui chơi giải trí...).

- *Theo lĩnh vực hoạt động* có nhu cầu kinh tế, chính trị, tâm linh...

- *Theo phương thức sử dụng sản phẩm của xã hội*: có nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng.

- *Theo mức độ cấp thiết phản ứng*: có nhu cầu tuyệt đối (các nhu cầu thiết yếu cơ bản đảm bảo tồn tại của con người : ăn no, mặc ấm, đồ dùng đầy đủ ... những nhu cầu này con người nhất thiết phải được đáp ứng thì con người mới sống được) và nhu cầu tương đối (những nhu cầu được nâng cao về mặt chất lượng: ăn ngon, mặc đẹp, đồ dung tốt... những nhu cầu này được đáp ứng theo mức độ tương ứng với trình độ phát triển của sản xuất xã hội và khả năng tài chính của mỗi cá nhân).

- *Theo nhóm xã hội*: có thể phân chia theo nhóm lứa tuổi (nhu cầu của trẻ em, nhu cầu của thanh niên, nhu cầu của người già...). *Theo nhóm nghề*

*nghiệp* (nhu cầu công chức, nhu cầu của nhóm nông dân, công nhân...). *Theo khu vực cư trú* (nhu cầu của cư dân, thành thị, nông thôn...).

## **1.2. Nhu cầu học tập**

### **1.2.1. Khái niệm nhu cầu học tập**

Thời đại ngày nay là thời đại của một thế giới đang thay đổi mạnh mẽ, với đặc trưng “nền văn minh trí tuệ”, “xã hội thông tin” và nền “kinh tế tri thức”. Lượng tri thức khổng lồ nhân loại không ngừng được bổ sung, đổi mới và hoàn thiện nhanh chóng. Với kho tàng tri thức của nhân loại rất phong phú và đa dạng, con người luôn luôn mong muốn được tìm kiếm, được khám phá những tri thức ấy để phục vụ đời sống của chính bản thân và của xã hội. Chính vì vậy, nhu cầu học tập suốt đời là một xu thế của thời đại.

Vậy nhu cầu học tập là gì?

Nhu cầu học tập, từ việc hiểu bản chất của nó, theo tôi chính là trạng thái thiếu hụt về tri thức (kiến thức học tập và xã hội) của con người và mong muốn được khám phá nguồn tri thức ấy để thỏa mãn vốn hiểu biết về tri thức của bản thân nhằm phục vụ cuộc sống hàng ngày cho bản thân để tồn tại và phát triển.

### **1.2.2. Mối quan hệ giữa nhu cầu - động cơ - hứng thú**

Theo Philip Kotler “Một người có thể có nhiều nhu cầu ở bất kỳ thời kỳ nào trong đời. Một số nhu cầu có tính chất bản năng sinh vật (biogenic). Chúng phát sinh từ những trạng thái khẩn trương của cơ thể như đói, khát, khó chịu. Một số khác có tính chất từ tâm lý (psychogenic) mà ra. Chúng phát sinh từ những trạng thái căng thẳng tâm lý như nhu cầu được công nhận, ngưỡng mộ hay tuân phục. Hầu hết những nhu cầu này sẽ không có cường độ đủ mạnh để thúc đẩy người đó hành động vào một thời điểm nào đó trong đời. Mọi nhu cầu được khuấy động đến một cấp độ, cường độ đủ mạnh. Một động cơ hay một sự

thúc đẩy, là một nhu cầu đang gây sức ép đủ để hướng người ta tìm cách thỏa mãn nhu cầu đó. Việc thỏa mãn nhu cầu làm giảm đi sự căng thẳng”.

Hay nói cách khác nhu cầu chính là *nguồn gốc* của động cơ và hứng thú của con người. Khi con người nhận thức được nhu cầu của mình, con người trở nên ham muốn, có động cơ để hành động. Theo C. Mác: “nguyên nhân thúc đẩy hoạt động của con người là một chuỗi nhân quả xã hội: hoàn cảnh bên ngoài (bao gồm những điều kiện khách quan) - nhu cầu - lợi ích - mục đích (động cơ tư tưởng) - hoạt động thực hiện mục đích. Trong chuỗi nhân quả hoạt động này, nhu cầu và lợi ích giữ vai trò quan trọng. Đó là khâu đầu tiên phản ánh và chuyển hóa những nhu cầu khách quan bên ngoài thành hành động tư tưởng bên trong thúc đẩy con người hoạt động và đó cũng là nguyên nhân thúc đẩy sự vận động và phát triển của xã hội”.

Như vậy, nhu cầu trước khi trở thành động lực thúc đẩy tính tích cực, cần phải được nhận thức. Nhu cầu được nhận thức xuất hiện với tư cách là trạng thái chủ quan của cá nhân, của cộng đồng, trở thành nhân tố kích thích hoạt động của con người. Chính động cơ tư tưởng là cái trực tiếp thúc đẩy con người hành động, qui định tính tích cực và khuynh hướng. Song khi nghiên cứu nguyên nhân thúc đẩy thì vấn đề quan trọng như Ph.Ăngghen đã lưu ý là phải tìm xem “*động lực nào ẩn sau những động cơ đó*”, phải tìm xem “những nguyên nhân lịch sử biến đổi thành những động cơ ấy trong đầu óc con người đang hoạt động là những nguyên nhân nào”. Và câu trả lời đã rõ ràng: *đó chính là nhu cầu*.

Vậy động cơ là gì?

*Động cơ được định nghĩa như là một trạng thái bên trong có tác dụng thúc đẩy, khuyến khích, hướng dẫn và duy trì hành vi. Động cơ mà thúc đẩy và duy trì hành vi học tập được gọi là động cơ học tập.*

Động cơ bao gồm động cơ bên ngoài và động cơ bên trong. Động cơ bên ngoài gắn liền với rất nhiều hành vi mà mục đích cuối cùng không phải dành

riêng cho bản thân của cá nhân. Đó là hành động được điều chỉnh thông qua những phương tiện bên ngoài như thưởng, phạt, ép buộc... Nó trái ngược hẳn với động cơ bên trong.

Động cơ bên trong bao gồm những nhân tố như: nhu cầu, tính ham hiểu biết, quan tâm, thích thú...; và cũng có thể từ yếu tố môi trường bên ngoài, phần thưởng, sức ép... *Những động cơ bắt nguồn từ sự ham hiểu hiểu hay quan tâm được gọi là động bên trong.* Hay động cơ bên trong chính là việc ám chỉ tới việc làm gì đó cho chính bản thân và sự thích thú, hài lòng xuất phát từ sự tham gia vào hoạt động và mong muốn hoàn thiện bản thân.

Hai loại động cơ này có thể tồn tại song song ở học sinh tạo thành hệ thống thứ bậc động cơ học sinh và có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy khi nghiên cứu động cơ của học sinh cần phải xem xét trong từng hoàn cảnh cụ thể, từng đối tượng cụ thể. Hơn nữa, động cơ không phải là cái có sẵn cũng không thể áp đặt từ bên ngoài mà nó được hình thành dần trong quá trình học tập của học sinh, dưới sự hướng dẫn tổ chức của người thầy và gia đình khuyến khích tạo điều kiện học tập đúng đắn.

#### *Mối quan hệ giữa nhu cầu và động cơ*

Nhu cầu bao giờ cũng nhằm vào một đối tượng nhất định. Nó hời thúc con người hành động nhằm đáp ứng thỏa mãn và chỉ khi gặp được đối tượng có khả năng thỏa mãn thì nó mới có thể thành động cơ thúc đẩy, định hướng hoạt của chủ thể, thôi thúc con người hoạt động nhằm thỏa mãn. Như vậy, ở đây có *mối quan hệ giữa động cơ và nhu cầu.*

Nhu cầu và động cơ không đứng riêng biệt, khi nhu cầu xuất hiện thì con người sẽ bằng mọi cách, tìm mọi phương thức để thỏa mãn nhu cầu. Và khi đã có động cơ rồi, thì con người sẽ cảm thấy có hứng thú, đam mê hoạt động hơn. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa nhu cầu - động cơ - hứng thú.

Trong quá trình học tập, động cơ được cụ thể hóa trong đối tượng học, mục đích học tức là trong kỹ năng, kỹ xảo. Khi có động cơ thì con người mong muốn học, tích cực học.

*“Động cơ được hình thành dần trong quá trình học, mỗi lần người học sinh tiếp thu được những tri thức mới, giải được bài tập khó thì tạo ra cho học sinh những hứng thú học mới. Trong quá trình học nếu người học sinh luôn gặp khó khăn trong học tập, không giải được các bài tập thì học sinh sẽ chán học, động cơ học có thể bị tiêu diệt”.*

#### *Mối quan hệ giữa nhu cầu và sở thích*

Cũng giống như hứng thú, nhu cầu và sở thích có mối quan hệ với nhau. *Sở thích là khuynh hướng phản ứng mang màu sắc cảm xúc nhất thời của chủ thể (thích hoặc không thích), đối với con người, sự vật nào đó.*

Sở thích mang tính nhất thời, khi con người có cảm giác thích đối với hiện tượng bên ngoài, hay một sự vật nào đó thì sẽ cuốn hút người đó để tập trung chú ý, mong muốn có được cái đó. Khi người ta có sở thích thì mới có nhu cầu.

Chính vì vậy, trong quá trình dạy học, người dạy hãy tạo cho người học cảm thấy thích môn học đó trước, sở thích sẽ là chất kích thích, động lực tạo nhu cầu học tập cho người học.

#### *Mối quan hệ giữa nhu cầu - động cơ - hứng thú*

Động cơ nói chung và động cơ học tập nói riêng thường liên hệ mật thiết tới hứng thú của mỗi người. Nhờ có hứng thú mà động cơ ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy, vai trò của hứng thú trong học tập rất lớn. Trong học tập chẳng những cần có *động cơ đúng đắn* mà còn phải có *hứng thú bền vững* thì học sinh mới có thể tiếp thu được những tri thức hiệu quả nhất.

Hứng thú là một thuộc tính tâm lý của nhân cách, là một hiện tượng tâm lý phức tạp được thể hiện khá rộng rãi trong cuộc sống của mỗi cá nhân cũng

như trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học.

Trong cuốn từ điển Tâm lý học đã viết: hứng thú là biểu hiện của một nhu cầu, làm cho chủ thể tìm cách thỏa mãn, tạo ra khoái cảm thích thú. Nói đến hứng thú tức là nói đến một mục tiêu, và cần huy động sinh lực (thể chất và tâm lý) để cố gắng thực hiện. Hứng thú gây chú ý và làm cho chủ thể cố gắng hành động.

*Hứng thú là thái độ đặc biệt của con người đối với một đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống, vừa có khả năng mang lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động.*

Như vậy, người làm giáo dục cần phải nắm rõ mối quan hệ giữa nhu cầu - động cơ - hứng thú, chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Người giáo viên, trong quá trình giảng dạy cần phải khơi dậy nhu cầu học tập cho người học sinh, đó là nguồn gốc, tiền đề tạo động cơ học tập, qua đó khơi dậy niềm đam mê, hứng thú học tập cho người học sinh. “Giáo dục là động lực phát triển của đất nước”, do đó, người giáo viên tạo được động cơ, hứng thú học tập cho người học sinh - thế hệ trẻ tương lai của đất nước, cũng chính là việc tạo động lực góp phần phát triển đất nước.

### ***1.3. Chiến lược dạy học dựa trên nhu cầu***

#### ***1.3.1. Phương pháp dạy học (PPDH) và việc tạo nhu cầu***

Phương pháp hiểu theo nghĩa chung nhất được bắt nguồn từ hoạt động và là khái niệm luôn song đôi với hoạt động, là cách thức, biện pháp để thực hiện, con đường dẫn đến mục đích đề ra. Phương pháp theo tiếng Hy Lạp là Methodos - “con đường dẫn đến chân lý” có nội hàm chỉ cách thức dẫn đến mục tiêu.

Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về phương pháp dạy học. Có người cho rằng đó là cách thức biện pháp tác động giữa thầy và trò nhằm đạt được mục tiêu dạy học như:



Theo tác giả I.D.Zverev, “PPDH là cách thức tương hỗ giữa thầy và trò nhằm đạt được mục đích dạy học. Hoạt động này được thể hiện trong việc sử dụng các nguồn nhận thức, các thủ thuật logic, các dạng hoạt động độc lập của người học và cách thức điều khiển quá trình nhận thức của người dạy”.

Hay như tác giả Nguyễn Ngọc Quang: “PPDH là cách thức làm việc của thầy và trò trong sự phối hợp thống nhất dưới sự chỉ đạo của thầy, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học”.

Có người lại cho rằng đó là hệ thống những hành động của giáo viên nhằm giúp học sinh lĩnh hội tri thức như tác giả Ja. Lerner thì “PPDH là một hệ thống những hành động có mục đích của giáo viên nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của người học đảm bảo cho người học lĩnh hội nội dung học vấn”.

Theo một số tác giả khác đưa ra định nghĩa: “PPDH là hệ thống các cách thức, biện pháp thực hiện hoạt động hợp tác, tương tác giữa người dạy và người học nhằm đạt mục tiêu dạy học”.

Như vậy dù có đưa ra những định nghĩa khác nhau về PPDH nhưng nếu xem dạy học như là một quá trình nhận thức của học sinh nhằm chiếm lĩnh nội dung học vấn thì phương pháp dạy học chính là những con đường, những cách thức hoạt động nhằm chiếm lĩnh nội dung dạy học.

### **1.3.2. Mối quan hệ giữa PPDH và nhu cầu học tập**

PPDH và nhu cầu học tập có mối quan hệ biện chứng với nhau. PPDH chính là những cách thức, con đường tổ chức hoạt động hợp tác, tương tác của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học, thông qua đó để tạo ra nhu cầu học tập cho học sinh. Đến lượt mình, nhu cầu học tập của người học sẽ là điều kiện, động lực cần thiết, để người dạy đưa ra những phương pháp dạy học phù hợp với người học.

Ở đây có sự tác động qua lại giữa PPDH với nhu cầu học tập, nếu PPDH phù hợp với nhu cầu học tập của người học thì sẽ là chất xúc tác tạo động cơ hứng thú, niềm đam mê học tập cho người học, và ngược lại nếu phương pháp dạy học không phù hợp, sẽ không khơi dậy nhu cầu học tập của người học, điều đó sẽ kìm hãm nhu cầu học tập của người học. Học sinh sẽ không có hứng thú học tập, cảm thấy việc học thật nặng nề, nhàm chán. Nếu người học được khơi dậy nhu cầu học tập, qua đó, sẽ là cơ sở để những người làm công tác giáo dục tìm kiếm và cải thiện những phương pháp dạy học mới hơn, phù hợp và làm khơi dậy nhu cầu học tập cao hơn ở người học. Có như vậy, quá trình dạy học sẽ đồng thời, vừa thỏa mãn nhu cầu của cá nhân, vừa đáp ứng nhu cầu dạy học của xã hội.

#### ***1.4. Đặc trưng môn lịch sử trường THCS***

Khác với nhiều bộ môn khác, tri thức của bộ môn Lịch sử có những đặc điểm nổi bật, đó là tính quá khứ, tính không lặp lại, tính cụ thể, tính hệ thống, sự thống nhất giữa sử và luận. Kiến thức lịch sử ở trường phổ thông là tri thức lịch sử được các nhà giáo dục, các nhà sử học, các nhà nghiên cứu biên soạn trong chương trình sách giáo khoa. Vì vậy, đặc trưng kiến thức lịch sử ở trường phổ thông cũng mang những đặc điểm của tri thức lịch sử nói chung.

##### *Tính quá khứ*

Bức tranh sinh động về những sự kiện và hiện tượng lịch sử thường được chúng ta nhắc đến, đó đều là những chuyện đã xảy ra, nó mang tính quá khứ. Chúng ta không thể trực tiếp quan sát được quá khứ, cũng không thể tái hiện được chúng trong phòng thí nghiệm mà chỉ có thể nhận thức *gián tiếp* thông qua các tài liệu được lưu lại, có chăng chỉ còn lại một phần của quá khứ. Hoặc người ta dựa vào các hiện tượng lịch sử tương tự của cái mới, để suy nghĩ, phân tích và tìm hiểu. Tuy nhiên, các loại tài liệu đó cũng chỉ là cái để chúng ta tham khảo

chứ không thể thay thế được các hiện tượng lịch sử khách quan mà chúng ta đang nghiên cứu.

Chính bởi đặc điểm này, trong giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông có những có khăn nhất định, bên cạnh cũng có những lợi thế, những ưu điểm mà bộ môn khác không có được, như bồi dưỡng, phát triển tư duy tái tạo, tưởng tượng cho học sinh, tư duy phân tích, tổng hợp, giải thích các sự kiện, hiện tượng, nhằm tìm ra những mối liên hệ, quy luật của lịch sử đã qua.

#### Tính không lặp lại

Lịch sử thuộc về quá khứ, nó mang tính không lặp lại về cả không gian và thời gian. Không có sự kiện lịch sử nào hoàn toàn giống nhau, dù có những điểm tương đồng, lặp lại nhưng là sự kế thừa, phát triển trên cơ sở cái cũ “sự lặp lại trên cơ sở không lặp lại”. Vì vậy, khi giảng dạy lịch sử, trình bày một sự kiện, hiện tượng giáo viên phải xem xét kỹ lưỡng tính cụ thể về thời gian, không gian để làm nảy sinh sự kiện, hiện tượng đó.

#### Tính cụ thể

Mỗi một sự kiện lịch sử, hiện tượng lịch sử xảy ra ở những địa điểm thời gian, không gian nhất định và gắn với một nhân vật nhất định. Lịch sử của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia có những đặc điểm riêng do những điều kiện riêng quy định. Do vậy, tính cụ thể của tri thức được thể hiện ở việc khoa học lịch sử nghiên cứu lịch sử của các dân tộc cụ thể, các quốc gia cụ thể, và nghiên cứu về các quy luật. Chính vì vậy, trong quá trình giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông, giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh nắm được sự kiện càng cụ thể sinh động bao nhiêu, học sinh sẽ càng hứng thú, tập trung chú ý và thấy học tập lịch sử hấp dẫn bấy nhiêu.

#### Tính hệ thống (tính logic lịch sử)

Tri thức lịch sử như chúng ta đã thấy, nội dung rất đa dạng, phong phú,

bao gồm tất cả các sự kiện về kinh tế, chính trị, xã hội, trên tất cả các lĩnh vực của xã hội loài người. Các sự đó có mối quan hệ khách quan, qua lại phụ thuộc hoặc nhân quả với nhau. Vì vậy, khi giảng, giáo viên phải giúp cho học sinh thấy được những mối quan hệ ngang dọc qua lại, chằng chéo, quan hệ nhân quả giữa các sự kiện từ đó giúp học sinh nắm được sự kiện toàn diện, mang tính hệ thống.

### Tính thống nhất giữa “sử” và “luận”

Ở đây lưu ý rằng, điều quan trọng trong giảng dạy lịch sử người giáo viên phải đảm bảo sự thống nhất giữa trình bày sự kiện với việc giải thích, phân tích, trình bày rõ về sự kiện, hiện tượng. Mọi giải thích, bình luận đều phải xuất phát từ sự kiện lịch sử cụ thể, chính xác đáng tin cậy.

Điểm đặc biệt nữa trong tri thức lịch sử đó là mối quan hệ biện chứng giữa các đặc điểm của tri thức lịch sử, nghĩa là giữa các đặc điểm trên của tri thức lịch sử có mối liên hệ nội tại, thống nhất. Điều đó khẳng định rằng, phải dựa vào nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, vận dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử đúng đắn khi tìm hiểu, nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng mới có thể rút ra được những kết luận đúng đắn, chính xác và khoa học. Chỉ có nắm vững những tư liệu lịch sử, các sự kiện lịch sử, hiện tượng lịch sử đặt trong mối quan hệ nội tại, khách quan và dưới sự chỉ đạo của lý luận, phương pháp khoa học mới có thể khắc phục được những khó khăn trong quá trình giúp học sinh hình dung khôi phục lại bức tranh quá khứ. Từ đó hình thành nên các biểu tượng phù hợp với sự kiện lịch sử, qua tư duy hình thành khái niệm, đạt đến tầm cao của quá trình nhận thức lý tính.

## **Tiểu kết chương 1**

Như vậy, qua nghiên cứu lí luận của đề tài tôi nhận thấy: nhu cầu học tập là một tất yếu của con người, đặc biệt là học sinh THCS. Nhu cầu chính là nguồn gốc tạo nên động cơ và hứng thú học tập cho HS THCS, vì vậy người làm công tác giáo dục cần áp dụng những cách thức tạo nhu cầu, theo quan điểm trong lĩnh vực kinh tế dựa vào marketing và PR ứng dụng hiệu quả vào lĩnh vực giáo dục sẽ tạo nhu cầu học tập cho học sinh. Đồng thời, dựa trên chiến lược dạy học hiệu quả: dạy học dựa trên nhu cầu kết hợp với việc tìm hiểu đặc điểm tâm lý, nhân cách của học sinh THCS. Qua đó sẽ tạo tiền đề cho các nhà giáo dục có những chiến lược dạy học hiệu quả nhất, nhằm khơi dậy nhu cầu, niềm đam mê học tập cho HS THCS. Đó chính là cơ sở lí luận cho việc xây dựng một số cách thức tạo nhu cầu học tập, của đề tài.

Đối với môn Lịch sử - một môn học vốn bị xem như là khó học và là môn học thuộc lòng, không cần tư duy, suy nghĩ nên phù hợp với cách dạy truyền thống: thầy đọc trò chép, học sinh có thái độ thờ ơ đối với môn học. Điều đó gây khó khăn cho việc tạo nhu cầu học tập môn học này cho học sinh THCS. Vậy bản chất, đặc trưng của môn Lịch sử là gì? Và nhu cầu và thái độ học tập của HS đối với môn học này là như thế nào? Từ những vấn đề này sẽ là cơ sở để tôi tiến hành điều tra thực trạng về nhu cầu học tập lịch sử của học sinh THCS và thực trạng PPDH trong trường THCS hiện nay.

## Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ NHU CẦU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ CỦA HỌC SINH THCS

### 2.1. Sở thích và nhu cầu về học tập

Hoạt động học tập là một trong những hoạt động trong cuộc sống của mỗi con người, nó là hoạt động chủ yếu, quan trọng của học sinh THCS. Đó là nhu cầu cần thiết nhất trong lúc này của chúng. Đây là giai đoạn để các em đang dần tiếp thu những kiến thức, tri thức của nhân loại nhằm trang bị kiến thức cho tương lai khi chuẩn bị bước vào cuộc sống mới.

Khi đưa ra câu hỏi: “*động lực thúc đẩy bạn đến trường học là gì?*”, có rất nhiều ý kiến khác nhau có người vì đến trường để tìm kiếm tri thức, có người đến trường để mong được giao lưu với mọi người, có người thì nói rằng là do bị gia đình ép buộc... ta có bảng số liệu sau.

**Bảng 2.1: Động lực thúc đẩy đến trường học**

<b>Động lực</b>	<b>Số lượng</b>	<b>%</b>
<i>Tìm kiếm tri thức</i>	51	23,18
<i>Trang bị kiến thức nghề yêu thích</i>	36	16,36
<i>Được giao lưu với mọi người</i>	69	<b>31,36</b>
<i>Có bằng để kiếm tiền</i>	48	21,82
<i>Ý kiến khác</i>	16	7,28

Hình 2.1: Động lực thúc đẩy đến trường học



Qua bảng số liệu 2.1 cho thấy, động lực thúc đẩy đến trường học của mỗi cá nhân là khác nhau, nhưng động lực thúc đẩy nhiều người đến trường học theo ý thích của cá nhân học sinh đó chính là đến trường “*được giao lưu với mọi người*”. Như đã nói ở trên, nhu cầu giao tiếp là một trong những hoạt động rất cần thiết đối với học sinh THCS, bởi đây là thời kỳ trong tâm lý của các em đã nảy sinh tình cảm, tình yêu đầu, vì vậy các em rất thích được giao lưu, được tiếp xúc với mọi người nhất là bạn học.

Chính vì vậy, trong quá trình dạy học, người dạy nên để cho các em được giao lưu với nhau bằng cách đưa hoạt động nhóm, để các em được cùng trao đổi ý kiến, đóng góp ý kiến cho nhóm, sau đó giáo viên nên để các nhóm được nhận xét, phản hồi nhóm bạn đưa ra... Hay cùng nhau giúp đỡ nhau trong học tập... đưa ra những phong trào như phong trào “đôi bạn” cùng nhau học tập... Có như vậy, người học sẽ có động lực đến trường, đồng thời tạo nhu cầu học tập cho người học. Và có 7,28% có ý kiến khác, cho rằng động lực thúc đẩy đến trường vì được gặp gỡ với nhiều người và trang bị kiến thức nghề nghiệp cho tương lai; được tiếp thu kiến thức và có nhiều bạn bè ; học tập tốt để tạo niềm vui, động viên cha mẹ...

Trong quá trình dạy học, người dạy cần phải quan tâm đến động lực thúc đẩy đến trường của người học, đó chính là việc đến trường được giao lưu tiếp xúc không chỉ với bạn học mà còn với thầy cô, đây là những người sẽ giúp chính người học được hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện bản thân phù hợp với yêu cầu của cuộc sống. Nhờ tạo được động lực thúc đẩy đến trường sẽ là nguồn gốc tạo được nhu cầu học tập cho người học.

Để tạo ra được động lực thúc đẩy các em đến trường học và nhu cầu học tập, thì cần phải biết học sinh THCS thường thích tiếp nhận kiến thức học tập thông qua những cách thức nào.

**Bảng 2.2: Cách thức tiếp nhận kiến thức học tập**

<b>Cách thức</b>	<b>Số lượng</b>	<b>%</b>
<b>Qua việc tự học, tự nghiên cứu</b>	67	30,04
<b>Qua giáo viên truyền đạt</b>	103	46,18
<b>Qua bạn học</b>	37	16,6
<b>Qua cha mẹ</b>	16	7,18

Qua bảng số liệu 2.2, có 30,04% thích học qua việc tự học, tự nghiên cứu; 46,18% thích học qua giáo viên truyền đạt; 16,6% thích tiếp nhận kiến thức học tập qua bạn học; và chỉ có 7,18% thích tiếp nhận kiến thức học tập qua cha mẹ. Như vậy, phần đa các em đều thích tiếp nhận kiến thức học tập qua sự truyền đạt của giáo viên. Câu tục ngữ xưa đã nói “*Không thầy đố mày làm nên*”, nó khẳng định vai trò quan trọng của người thầy trong quá trình truyền đạt kiến thức. Tuy nhiên, vai trò của người giáo viên cần phải được xem xét lại trong thời đại ngày nay. Nếu như trước kia, vai trò của người giáo viên là người truyền đạt, người chủ động áp đặt trong quá trình dạy học, thì ngày nay, vẫn với vai trò quan trọng



của mình, nhưng người giáo viên hiện nay chỉ là người hướng dẫn, chỉ đạo người học tiếp thu kiến thức học tập. Điều đó cho thấy, dù ở thời đại nào thì vai trò của người giáo viên vẫn không thể thiếu và rất quan trọng đối với việc truyền đạt kiến thức cho người học. Nhưng ở mỗi thời đại, vai trò đó cần được thay đổi, để phù hợp với yêu cầu, xu thế dạy học của xã hội.

Bên cạnh việc khẳng định vai trò của người giáo viên đối với việc tiếp nhận kiến thức học tập của người học, thì cũng có đến 30,45% học sinh trả lời thích tiếp nhận kiến thức học tập bằng cách tự mình học tập, tự nghiên cứu. Có thể nói, người học đến bây giờ vẫn là những người bị thụ động kiến thức, người dạy vẫn là người truyền đạt kiến thức, nên các em quen với việc đó, mà không hoặc rất ít được hướng dẫn tiếp nhận kiến thức bằng cách tự học, vẫn bị phụ thuộc vào người dạy. Tuy nhiên, thực tế độ tuổi học sinh THCS đã có thể tự mình học tập, tự mình nghiên cứu cùng với bạn học và có thể phân tích, tổng hợp kiến thức dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Điều này, hầu hết người giáo viên ở các trường phổ thông chưa làm được. Họ vẫn là những người chủ động truyền đạt kiến thức, và người học như những cỗ máy, học đập khuôn lại những điều đó. Chỉ có số ít giáo viên hiện nay làm được điều đó, vì vậy, chỉ có 30,45% thích học qua việc tự học, tự nghiên cứu và 16,36% thích học qua bạn học.

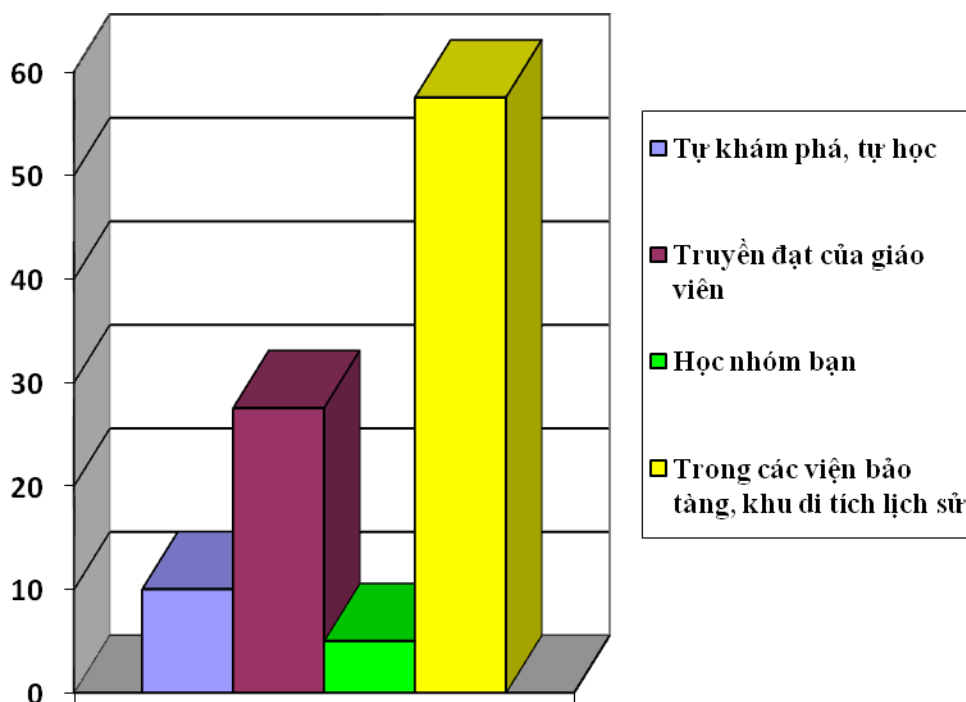
Kiến thức học tập là vô tận, chính vì vậy, bên cạnh việc khẳng định vai trò quan trọng của người giáo viên, thì người giáo viên cần phải kết hợp với việc để các em tự mình chủ động học tập, nghiên cứu cùng với bạn học để tiếp nhận kiến thức học tập, tri thức của nhân loại vừa rộng và vừa sâu. Chính vì vậy, khi hỏi **“*bạn thích kiểu học như thế nào?*”**, thì có đến 24,09% là thích học qua sự kết hợp giữa việc giáo viên truyền đạt, tự học và học nhóm bạn; 23,64% thích được tự học, tự nghiên cứu; 30,09% thích học nhóm bạn bè và 21,37% thích học qua việc giáo viên truyền đạt. Như vậy, tỷ lệ giữa các mức độ câu trả lời là tương đối ngang bằng nhau, vì vậy trong quá trình dạy học cần phải kết hợp những cách học trên, vai trò của người giáo viên là người hướng dẫn, chỉ đạo

người học tự học và học nhóm bạn, điều đó sẽ tạo được động lực thúc đẩy học sinh đến trường, đồng thời tạo được nhu cầu học tập cho người học. Đồng thời, tạo cơ hội cho người học không chỉ nắm chắc được kiến thức mà còn được mở rộng kiến thức học tập để giúp trang bị kiến thức nghề nghiệp trong tương lai, đồng thời giúp các em áp dụng những tri thức đó vào trong cuộc sống hiện tại.

Khi hỏi về sở thích, nhu cầu học tập môn lịch sử, tôi có đưa ra câu hỏi: ***Em thích học môn Lịch sử bằng cách nào?*** Có đến 57,5% các em rất thích được học trong các viện bảo tàng, khu di tích lịch sử; 5% thích học lịch sử qua học cùng nhóm bạn; 27,5% qua giáo viên truyền đạt và 10% thích được tự khám phá, tự học môn lịch sử. Qua đây có thể thấy rằng, việc dạy học lịch sử trên lớp sẽ là chưa đạt hiệu quả, bởi đặc trưng lịch sử có tính quá khứ, không lặp lại, nếu như chỉ học ở trên lớp, không được tận mắt nhìn vào những hình ảnh, hiện vật... của lịch sử, thì lịch sử vẫn sẽ là “lịch sử”. Trong cuộc sống hòa bình ngày nay, thì lại càng khó có thể khiến các em hình dung được lịch sử truyền thống, anh dũng của đất nước, trước sự hy sinh, đau thương của người xưa đã từng diễn ra như thế nào, cho nên học sinh và nhiều người thường cho rằng học lịch sử là không thực tế là vậy. Chính vì vậy, cần phải kết hợp với việc dạy học trên lớp với việc có những giờ học lịch sử ở trong các viện bảo tàng để tái hiện các sự kiện lịch sử đã qua, để các em vừa được tham quan, vừa được học lịch sử, có như vậy người học mới thấm được học lịch sử có ý nghĩa như thế nào với bản thân các em. Do giáo viên dạy lịch sử chưa sử dụng nhiều phương pháp thảo luận nhóm trên lớp, mà vẫn thường sử dụng cách dạy đọc - chép là chủ yếu, giáo viên là người truyền đạt nên trong câu hỏi này có đến 27,5% học sinh trả lời thích học lịch sử bằng sự truyền đạt của giáo viên. Chính vì vậy chưa tạo được thói quen học lịch sử tự khám phá, tự học chỉ có 10% trả lời, và việc học cùng bạn học của các học sinh THCS thì chỉ có 5% các em thích học lịch sử bằng cách cùng học nhóm bạn.

**Bảng 2.3: Mức độ thích cách học môn Lịch sử**

Mức độ	Số lượng	%
<i>Tự khám phá, tự học</i>	12	10
<i>Truyền đạt của giáo viên</i>	33	27,5
<i>Học nhóm bạn</i>	6	5
<i>Trong các viện bảo tàng, khu di tích lịch sử</i>	69	57,5

**Hình 2.2: Mức độ thích cách học môn Lịch sử**

Việc dạy học trong các viện bảo tàng, các khu di tích lịch sử hiệu quả và khiến các em thích thú là vậy, nhưng chỉ có 11,67% các em được học trong các khu di tích lịch sử và viện bảo tàng và có đến 88,33% chủ yếu học lịch sử ở trên lớp. Điều này có thể thấy, do điều kiện học tập ở nước ta còn nhiều hạn chế,

27

**Đề tài: Xây dựng một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS**

vì vậy, các em ít có điều kiện được học trên cơ sở thực tế của môn học. “Học đi đôi với hành”, nhưng mô hình dạy học ở nước ta thì vẫn mang nặng lý thuyết, giờ học lý thuyết là chủ yếu, học sinh ít được thực hành. Đó là mặt hạn chế đối với những lao động ở nước ta. Điều này cho thấy khó khăn cũng như hạn chế của nền giáo dục nước ta.

Chính vì vậy, người giáo viên cần phải thay đổi cách dạy để phù hợp, thích hợp với cách học lịch sử của học sinh. Cần dành thời gian để các em được học lịch sử trong viện bảo tàng, các khu di tích lịch sử, tái hiện các sự kiện lịch sử thật sống động, tác động vào các giác quan nhằm khơi dậy trí tưởng tượng phong phú của các em, nhằm tạo sự chú ý của các em đối với các sự kiện lịch sử. Đồng thời, dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của giáo viên, tạo thói quen cho các em cách tự học, tự khám phá kiến thức lịch sử cùng với bạn học.

Như vậy, qua một số đặc điểm chung về sở thích và nhu cầu của học sinh về học tập nói chung và học tập lịch sử nói riêng cho thấy rằng người dạy trong quá trình dạy học, để có thể khơi dậy nhu cầu học tập cho người học thì cần phải tác động đến một số đặc điểm chung về sở thích và nhu cầu của người học, dựa vào đó sẽ là cơ sở để người dạy đưa ra những phương pháp, cách thức dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh nhằm tạo nhu cầu học tập cho người học.

## ***2.2. Thực trạng về PPDH của giáo viên đối với mục đích tạo nhu cầu***

### ***2.2.1.. Phương pháp và hình thức dạy học***

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế tri thức, nhiều nhà nghiên cứu đưa ra những phương pháp, cách thức dạy học phù hợp với xu thế dạy học hiện đại, phù hợp với yêu cầu của việc tiếp nhận tri thức của nhân loại đáp ứng việc đào tạo những con người có đầy đủ phẩm chất, năng lực góp phần vào sự phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp, cách thức dạy học ở mỗi quốc gia lại khác nhau, ở các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Vậy phương pháp dạy học lịch sử đã và đang diễn ra như thế nào? Trong phiếu điều tra tôi có đưa ra một số câu hỏi liên quan đến các phương pháp dạy học lịch sử, thu được số liệu như sau:

**Bảng 2.4: Việc sử dụng các PPDH trong quá trình dạy học lịch sử**

<b>Phương pháp trực quan</b>				
<i>(Giáo viên dạy lịch sử của em có thường xuyên sử dụng đồ dùng trực quan như tranh ảnh, bản đồ... trong quá trình dạy học không?)</i>				
	Chưa bao giờ	Rất hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
<b>Số lượng</b>	2	9	87	21
<b>%</b>	1,68	7,56	<b>73,11</b>	17,65
<b>Phương pháp dùng lời</b>				
<i>(Trong quá trình nghe giảng, giáo viên để lại cho em ấn tượng nhất là gì?)</i>				
	Sử dụng ngôn ngữ	Sử dụng nhiều đồ dùng trực quan	Đưa ra nhiều câu hỏi hay, thú vị	Cách trình bày bảng đẹp, rõ ràng dễ hiểu
<b>Số lượng</b>	66	24	13	16
<b>%</b>	55,44	20,19	10,92	13,45
<b>Phương pháp thảo luận nhóm</b>				
<i>(Trong giờ học lịch sử em thích hoạt động nào nhất)</i>				
	Làm việc nhóm	Ghi chép	Hỏi - đáp	Quan sát (tranh ảnh, lược đồ...)
<b>Số lượng</b>	56	8	12	43
<b>%</b>	47,06	6,72	10,09	36,13

Trong quá trình thực nghiệm cùng với việc quan sát các giờ dạy của giáo viên dạy lịch sử trong trường, tôi thu được các số liệu theo bảng 2.4. Chúng ta thấy được rằng mức độ sử dụng các PPDH còn nhiều bất cập. Có đến **73,11%** học sinh trả lời thỉnh thoảng và 7,56% rất hiếm khi; 1,68 chưa bao giờ giáo

viên sử dụng các đồ dùng trực quan trong các giờ học, và chỉ có 17,65% giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng trực quan, tuy nhiên, việc sử dụng này không phải lúc nào cũng hiệu quả và phù hợp. Trong khi đó khi đưa ra câu hỏi đồ dùng trực quan nào hấp dẫn em nhất trong quá trình học lịch sử thì có đến hơn 90% các em đều trả lời rất thích quan sát các đồ dùng trực quan (như hình ảnh, phim tư liệu lịch sử, bản đồ, sơ đồ...) trong giờ học lịch sử..

Khi hỏi về phương pháp dùng lời, sau khi tôi thực nghiệm có sử dụng và chú ý đến ngôn ngữ trong quá trình dạy, thì có đến **55,44%** (bảng số liệu 2.9) học sinh trả lời, giáo viên lịch sử đã để lại ấn tượng nhất sử dụng ngôn ngữ phong phú, biểu cảm thuyết phục người nghe và tạo không khí lớp học thoải mái, điều này cho thấy việc sử dụng ngôn ngữ trong quá trình dạy học lịch sử rất quan trọng. Do đặc thù môn lịch sử mang tính quá khứ, nếu như người dạy không thường xuyên sử dụng những ngôn ngữ của mình để dẫn dắt người học bằng những câu chuyện lịch sử, hấp thụ người học bằng giọng điệu biểu cảm, thể hiện sự quan tâm nhiệt tình, thể hiện tình yêu của bản thân đối với môn lịch sử thì khó có thể tạo được nhu cầu học tập môn lịch sử.

Trên thực tế, giáo viên dạy lịch sử vẫn chưa sử dụng đa dạng ngôn ngữ trong quá trình dạy học lịch sử, chỉ có số ít giáo viên biết cách sử dụng ngôn ngữ của mình để cảm hóa người học. Ngôn ngữ sử dụng vẫn rất đơn điệu, buồn tẻ ít gây cảm xúc đến người học. Đôi khi lại dùng cách nói quá, không thực tế... vì vậy, chưa tạo được nhu cầu học tập cho người học.

Thứ ba, về phương pháp nhóm cùng với việc sử dụng ngôn ngữ phong phú, đa dạng, sử dụng các đồ dùng trực quan, trong giờ thực nghiệm, tôi còn dành thời gian để học sinh làm việc nhóm, thảo luận về các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Có đến **47,06%** (bảng số liệu 2.8) các em thích hoạt động làm việc nhóm, trong khi làm việc nhóm hầu hết các em đều rất thích và hăng hái tranh luận nhau về các vấn đề đã đưa ra. Nhưng khi hỏi giáo viên dạy lịch sử của

các em có thường xuyên để các em làm việc nhóm với nhau không? Thì các em đều trả lời là không. Thực tế, hoạt động làm việc nhóm, hay thảo luận nhóm rất thu hút các em tham gia làm việc, vì các em được giao lưu được tranh luận và được đưa ra những ý kiến của bản thân về các vấn đề nhằm kích thích tư duy học tập của các em... Tuy nhiên, để tổ chức được giờ học có hoạt động làm việc nhóm, đòi hỏi người giáo viên phải dành nhiều thời gian để lên kế hoạch, trong khi thảo luận giáo viên phải bao quát được học sinh để các em hướng vào bài, tránh hiện tượng không tập trung, làm việc riêng...

Trong phiếu điều tra, tôi có đưa ra câu hỏi học sinh, hỏi về mức độ sử dụng những hình thức dạy học trong các giờ học lịch sử, thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.5: Mức độ sử dụng những hình thức dạy học của giáo viên dạy lịch sử**

Mức độ Hình thức dạy học	Chưa bao giờ		Thỉnh thoảng		Rất hiếm khi		Thường xuyên	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1. Diễn giảng	2	1,66	25	20,83	1	0,84	92	<b>76,67</b>
2. Hỏi – đáp	1	0,83	34	28,34	2	1,67	83	<b>69,16</b>
3. Thảo luận	4	3,34	78	<b>65</b>	14	11,66	22	20
4. Thực hành	30	25	46	<b>38,33</b>	27	22,5	17	14,17
5. Tự học	10	8,33	56	<b>46,67</b>	40	33,33	14	11,67
6. Trò chơi	53	<b>44,17</b>	39	32,5	24	20	4	3,33
7. Quan sát (tranh ảnh, bản đồ, phim tài liệu...)	2	1,67	59	<b>49,17</b>	15	12,5	44	36,66

Qua bảng số liệu bảng 2.5 cho thấy, giáo viên dạy lịch sử vẫn thường xuyên sử dụng hình thức dạy học theo kiểu diễn giảng, thuyết trình và hỏi- đáp là chủ yếu. Rất hiếm khi dành thời gian để các em tham gia các trò chơi, còn lại là thỉnh thoảng mới sử dụng các hình thức dạy học: thực hành, thảo luận, tự học, quan sát (tranh ảnh, bản đồ, phim tài liệu...). Trong khi đó, hoạt động trò chơi thường mang tính vui nhộn, thì có đến **44,17%** học sinh nói rằng, giáo viên của học sinh chưa bao giờ sử dụng trò chơi trong các giờ học môn Lịch sử. Ở đây khi giáo viên tổ chức các trò chơi liên quan đến nội dung kiến thức lịch sử phải mất rất nhiều thời gian để nghĩ ra các trò chơi, luật chơi, trong dạy học lịch sử thường có các trò chơi như theo dòng lịch sử, hiểu biết... Những trò chơi này có ưu điểm để các em vừa học, vừa chơi như vậy sẽ nhớ bài học nhiều hơn là giáo viên nhồi nhét kiến thức để bắt học sinh phải học thuộc lòng.

Chính bởi sự hạn chế về cách thức dạy học với mục đích tạo nhu cầu học tập cho người học, nên khi hỏi về *mức độ thu hút, lôi cuốn các em trong các giờ học* (Câu 19 - Phiếu điều tra sở thích nhu cầu của học sinh) nói chung, nó gồm nhiều nhiều yếu tố: Có 16,14% do nội dung môn học hay; 39,98% do giáo viên truyền đạt thu hút, hấp dẫn; 30,94% do giờ học có nhiều hoạt động vui nhộn và 17,94% có ý kiến khác như: do nội dung môn học lạ, hay; do sự kết hợp của cả ba yếu tố trên...

Điều này cho thấy, vai trò quan trọng của người giáo viên trong việc tạo ra sự lôi cuốn thu hút học sinh trong các giờ học. Không phải nội dung môn học nào cũng được các em học sinh yêu thích nhất là môn Lịch Sử, nhưng học sinh vẫn sẽ chú ý, bị lôi cuốn, hấp dẫn trong giờ học nếu người dạy biết cách tạo ra những hoạt động, biết cách truyền đạt kiến thức thì đó sẽ là cơ sở tạo nhu cầu học tập cho người



### 2.2.2 Thực trạng thái độ của giáo viên đối với học sinh trong quá trình dạy học

Dạy học là một nghệ thuật, người dạy không chỉ là người nắm vững chuyên môn sâu rộng, là người biết cách truyền đạt kiến thức, mà còn phải là người hiểu được tâm lý của các đối tượng học sinh để vừa có những cách thức dạy học phù hợp, nhưng đồng thời biết cách thể hiện thái độ quan tâm, nhiệt tình, biết động viên khuyến khích người học, làm cho người học được thành công... đó sẽ là chất xúc tác tạo nhu cầu học tập cho người học.

**Bảng 2.6: Sự đánh giá của học sinh về thái độ của giáo viên**

Đặc điểm	Số lượng	%
<i>a. Sự quan tâm nhiệt tình, giúp đỡ học sinh trong học tập và cuộc sống</i>	61	27,35
<i>b. Biết động viên khuyến khích học sinh</i>	107	47,98
<i>c. Thờ ơ, thiếu sự nhiệt tình với học sinh</i>	2	0,9
<i>d. Vui tính, thân thiện, hòa đồng với học sinh</i>	53	23,77

Người học đến trường, được tiếp nhận kiến thức cùng với sự quan tâm, nhiệt tình giúp đỡ của giáo viên với người học, cùng với việc biết động viên, khuyến khích, vui tính và có sự thân thiện hòa đồng với học sinh. Điều quan trọng hơn cả 47,98% các em mong muốn, người giáo viên biết động viên, khuyến khích học tập cho các em, hãy để cho người học có cảm giác “*cô giáo như mẹ hiền*”. Cùng với vòng tay chăm sóc của thầy cô, chúng sẽ cảm kích và tôn trọng người giáo viên của mình, sẽ có thái độ học hành nghiêm túc hơn. Học sinh THCS là những đứa trẻ luôn muốn được thể hiện mình là người lớn nên khi hỏi “*Bạn có thích được mọi người quan tâm, chú ý không*” thì có đến 11,66% là không thích; 51,57% trả lời là bình thường; 29,15% trả lời là thích và chỉ có 7,62% trả lời là rất thích được người khác quan tâm, chú ý. Vì vậy, người giáo viên, không nên quan tâm, chú ý học sinh một cách thái quá, hãy để các em

được tự do, thoải mái (nhưng trong khuôn phép) trong các giờ học, tạo cho các em có cảm giác giờ học nhẹ nhàng hơn.

Khi đưa ra câu hỏi: ***Giáo viên của em thường động viên, khuyến khích học tập bằng những cách nào?*** Có đến 42,02% các em cho rằng cách *cho điểm mỗi khi có câu trả lời hay*, đây là cách động viên, khuyến khích học tập được nhiều em học sinh lựa chọn. Bởi đến trường được điểm cao, nó thể hiện thành tích, thành quả học tập của các em, bên cạnh đó là sẽ tạo sự phấn khởi cho các em khi được điểm cao, tạo động lực học tập. tuy nhiên, nếu giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này để động viên người học, đôi khi sẽ tạo thói quen cho người học, đó là việc trả lời một lần lấy điểm là xong, và các giờ học khác sẽ không tích cực như vậy nữa. Chính vì vậy cần phải đan xen các cách động viên khuyến khích khác như: khen ngợi, quan tâm, nhiệt tình giúp đỡ trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Khi học sinh trả lời câu hỏi, hoặc hoàn thành các bài tập bên cạnh việc cho các em điểm thì người giáo viên cần đưa ra nhận xét và đáp án chính xác nhất. Có như vậy người học mới biết rõ được câu trả lời, biết được đã trả lời sai, đúng thiếu ý ở chỗ nào. Có đến 42,87% các em mong muốn giáo viên đưa ra nhận xét và đáp án chính xác nhất sau khi trả lời xong câu hỏi hoặc bài tập mà giáo viên đưa ra; 34,46% mong muốn cho điểm và nếu như giáo viên chỉ đưa ra đáp án mà không nhận xét câu trả lời thì học sinh sẽ cảm thấy thiếu sự quan tâm, chú ý của giáo viên đối với bản thân. Chỉ cần một câu nhận xét nhẹ nhàng “rất tốt”, “em đã trả lời gần đúng ý rồi đấy, lần sau cần phát huy hơn nữa”... Chỉ vậy thôi, nhưng sẽ làm cho người học cảm nhận được sự tiến bộ trong học tập của mình. Điều đó sẽ tạo cho các em mong muốn có cơ hội để đưa ra câu trả lời hay và đầy đủ hơn.

Trong phiếu điều tra, tôi có đưa ra câu hỏi: ***Nếu lớp em được giáo viên bộ môn Lịch sử nhiệt tình giảng dạy, thường xuyên quan tâm, giúp đỡ học tập,***

*thì các em sẽ... Tôi thu được kết quả như sau:*

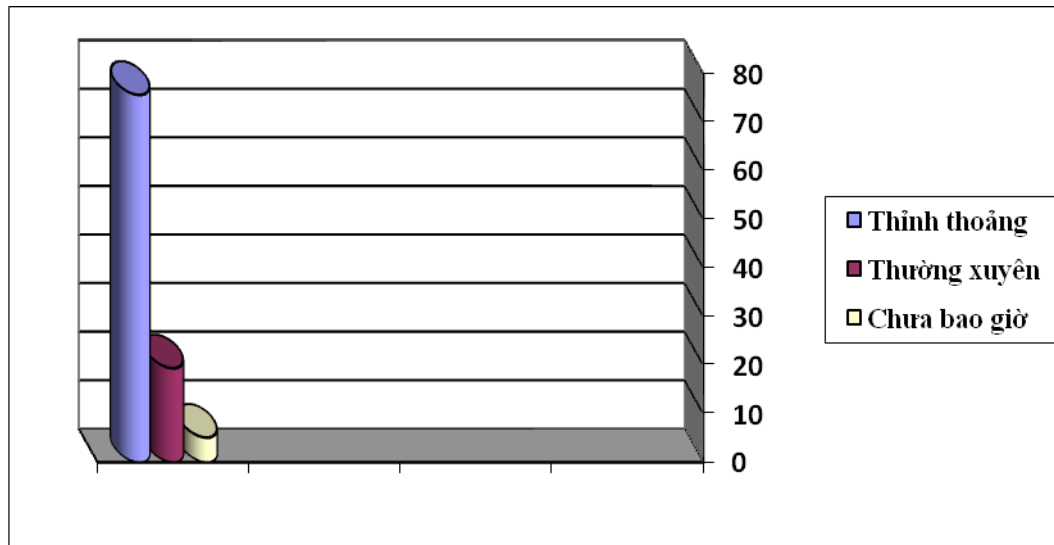
***Bảng 2.7: Mức độ học sinh tham gia vào giờ học lịch sử khi giáo viên nhiệt tình giảng dạy, biết quan tâm, giúp đỡ học tập***

	<b>Số lượng</b>	<b>%</b>
<b><i>Sẽ chú ý, chăm chỉ học môn lịch sử</i></b>	59	49,59
<b><i>Sẽ thường xuyên chuẩn bị bài tốt</i></b>	27	22,67
<b><i>Thường xuyên giơ tay phát biểu</i></b>	27	22,67
<b><i>Sẽ trật tự trong giờ học, nhưng vẫn không quan tâm đến môn học</i></b>	4	3,36
<b><i>Vẫn không thích vì đó là môn học phụ</i></b>	2	1,68

Qua bảng số liệu 2.7, khẳng định rằng không phải người học không thích học môn Lịch sử, người học rất thích học, thích khám phá môn Lịch sử, nhưng cần phải khơi dậy nhu cầu, hứng thú học tập môn Lịch sử ở người học. Điều đó đòi hỏi cách giảng dạy, thái độ của người giáo viên là rất quan trọng. Học sinh sẽ chú ý chăm chỉ học, sẽ thường xuyên chuẩn bị bài thật tốt, thường xuyên giơ tay phát biểu nếu giáo viên nhiệt tình giảng dạy, thường xuyên quan tâm giúp đỡ các em học tập.

Tuy nhiên, thực trạng học sinh ở các trường THCS vẫn có thái độ thờ ơ, chưa chú ý và vẫn coi đó là môn học phụ, điều đó cho thấy các em vẫn chưa có nhu cầu học tập môn lịch sử. Nguyên nhân của thực trạng đó là do giáo viên chưa biết cách tạo nhu cầu học tập cho học sinh, vì vậy trong giờ học lịch sử rất ít học sinh giơ tay phát biểu. Nó được thể hiện rõ qua sơ đồ sau:

**Hình 2.3: Biểu đồ so sánh mức độ tham gia phát biểu trong các giờ học môn Lịch sử của HS**



Trong giờ học lịch sử, thì có đến 75,63% trả lời là thỉnh thoảng, rất hiếm khi giơ tay phát biểu; có đến 19,33% chưa bao giờ giơ tay phát biểu và chỉ có 5,04% thường xuyên giơ tay phát biểu. Khi hỏi vì sao lại không giơ tay phát biểu, thì có 33,61% trả lời do giờ học nhàm chán, không hấp dẫn; 29,41% thỉnh thoảng giơ tay do môn học này cũng hay và thú vị; chỉ có 13,45% trả lời vì môn học khô khan, khó hiểu và 23,53% cho rằng thỉnh thoảng giơ tay phát biểu vì trong giờ học có nhiều hoạt động sôi nổi, hấp dẫn. Như vậy có thể thấy rằng, cách thức, phương pháp giảng dạy của người giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên sự hấp dẫn, gây sự chú ý, tạo hứng thú từ đó sẽ tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh trong quá trình học tập lịch sử. Số học sinh thực sự yêu thích, hoàn toàn chú ý trong giờ học môn Lịch sử là quá ít, đa phần các em chỉ chú trọng đến việc học thuộc, lấy điểm. Từ việc chưa có nhu cầu học môn Lịch sử, dẫn đến việc không yêu thích, không chú ý, không hứng thú trong học tập và một hệ quả tất yếu là các em sẽ chỉ dừng lại ở việc biết lịch sử, không hiểu được bản chất sự kiện, hiện tượng lịch sử.

Những số liệu trên cho thấy, học sinh THCS chưa có nhu cầu học tập môn Lịch sử. Có rất nhiều những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, làm chất

lượng dạy học môn Lịch sử giảm sút: do chương trình dạy học nặng, do giáo viên chưa tạo được niềm đam mê, hứng thú cho học sinh trong giờ học, cũng như việc giáo viên chưa biết kết hợp các phương pháp dạy học hợp lý, đa dạng, chưa biết cách động viên, khuyến khích học tập, chưa tạo bầu không khí học tập nhẹ nhàng thoải mái làm cho giờ học không căng thẳng mà hấp dẫn hơn, thú vị hơn... Chính vì vậy chưa khơi dậy được nhu cầu học môn Lịch sử cho người học. Nhưng việc khắc phục tình đó như thế nào, làm thế nào để người giáo viên dạy bộ môn này trở thành chiếc cầu nối giữa quá khứ với hiện tại, giáo viên cần áp dụng những phương pháp, cách thức dạy học nào để khơi dậy nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS là vấn đề cần giải quyết.

### **Chương 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CÁCH THỨC TẠO NHU CẦU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ CHO HỌC SINH THCS**

#### ***3.1. Sử dụng cách thức “tạo cầu nối giữa quá khứ với hiện tại” trong dạy học môn Lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS***

Trong mỗi bài học lịch sử đều có ý nghĩa, tác dụng cho người học những kiến thức kinh nghiệm phục vụ những nhu cầu trong cuộc sống hiện tại. Tuy nhiên, người dạy cần phải liên hệ như thế nào? Lúc nào? Liên hệ với cái gì phù hợp? Chứ không thể liên hệ một cách viên vông, nói quá.

*Ví dụ 1: Bài 2 : Sự suy vong của chế độ phong kiến và sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu (SGK Lịch sử 7)*

Với nội dung bài học này, giúp người học biết được nhờ có sự phát triển nhanh chóng của sản xuất đã làm cho nhu cầu về hương liệu, vàng bạc, thị trường ngày một tăng. Việc tìm con đường đi sang phương Đông đã thúc đẩy các cuộc phát kiến lớn về địa lí. Qua bài học, người học sẽ nắm được nhờ có những cuộc phát kiến địa lí ấy, nó mang lại của cải lớn về châu Âu cũng như những hiểu biết mới về trái đất. Trên cơ sở đó công cuộc tích lũy tư bản được tiến hành, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành.

Nếu như, giáo viên mới chỉ đưa ra những kiến thức ấy cho người học, thì người học mới chỉ hiểu được các cuộc phát kiến địa lí ấy chỉ có tác dụng, ý nghĩa đối với những người châu Âu, trong thời hậu kì Trung đại. Chưa có sự liên hệ với lịch sử nước ta lúc bấy giờ, các cuộc phát kiến địa lí ấy, có tác dụng (ưu điểm và nhược điểm) như thế nào? Và hậu quả của các cuộc phát kiến địa lí đến ngày nay như thế nào?...

Vì vậy, sau khi học xong bài học này, giáo viên nên dành khoảng 7 phút vừa củng cố bài học, vừa đưa ra những câu hỏi mang tính thực tiễn cho người học hiểu rõ hơn, ý tác dụng của các cuộc phát kiến địa lí không chỉ có ở châu Âu,

---

***Đề tài: Xây dựng một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS***

toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Ví dụ giáo viên có thể đưa ra dẫn chứng, sau cuộc phát kiến địa lí, do sự phát triển nhanh chóng của sức sản xuất, các nước đế quốc tăng cường tìm kiếm thị trường. Ở nước ta, đã bị thực dân, đế quốc cai trị bóc lột gần trăm năm làm cho đời sống nhân dân cực khổ. Nhờ có cuộc phát kiến địa lí, có sự giao lưu văn hóa giữa các châu lục, chữ quốc ngữ ở nước ta xuất hiện nhờ một người Pháp, xuất hiện nhiều trường học đào tạo kỹ thuật hàng hải, người ta biết đến những thực phẩm của người phương tây, kỹ thuật, công nghệ của chúng ta biết đến phương Tây... Và những thành quả đó vẫn còn tác dụng đến ngày nay, nhiều người Nam sang nước ngoài sinh sống và ngược lại... Có như vậy, người học mới hiểu rõ, mới biết được tác dụng, ý nghĩa của các cuộc phát kiến địa lí quan trọng đối với nước ta. Qua đó, giúp người học nhận thức được việc học tập tốt sẽ cống hiến, mong muốn được đến nước ngoài học tập, làm việc để tìm hiểu phong cách sống, văn hóa của họ như thế nào. Như vậy, người học sẽ cảm thấy thích học, có hứng thú học tập môn học môn Lịch sử hơn.

*Ví dụ 2: Bài 12: Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học kỹ thuật (SGK Lịch sử 9)*

Đây là bài học với gắn với thực tiễn rất cao. Trong bài học này, với việc tìm hiểu về các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật công nghệ và sự tác động của nó đối với các lĩnh vực của đời sống. Qua những thành tựu đó, giáo viên cần giúp người học thấy được tác động của những thành tựu đó đối với đời sống con người hiện nay.

Như trong lĩnh vực khoa học cơ bản (như toán học, vật lý, hóa học, sinh học) giáo viên lấy dẫn chứng cụ thể việc ứng dụng những thành tựu đó đối với con người hiện nay, như trong lĩnh vực sinh học, tháng 3 – 1997: các nhà khoa học đã tạo ra cừu Đôli bằng phương pháp sinh sản vô tính. Tháng 4 – 2003: “Bản đồ gen người” được giải mã hoàn chỉnh. Trong lĩnh vực công nghệ, nên

liên hệ những thành tựu đó với khả năng ứng dụng hiện tại như:

- + Công cụ sản xuất mới: máy tính điện tử, máy tự động, rô bốt,...
- + Thông tin liên lạc & giao thông vận tải: cáp quang, máy bay siêu âm, tàu siêu tốc...
- + Chinh phục vũ trụ: vệ tinh nhân tạo, du hành vũ trụ...
- + CN thông tin: hình thành mạng thông tin máy tính toàn cầu (Internet).
- + Năng lượng mới: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nguyên tử...
- + Vật liệu mới: chất pôlime - chất dẻo, vật liệu siêu sạch, siêu cứng, siêu bền,...
- + CN sinh học: CN di truyền, CN tế bào, CN vi sinh, CN enzym... cuộc “Cách mạng xanh.

Đồng thời, đưa ra những tác động (tích cực và tiêu cực) của cuộc cách mạng khoa học công nghệ đối với đời sống của nhân loại hiện nay. tác động tích cực như: tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống con người; dân cư, chất lượng nguồn nhân lực; những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp; hình thành một thị trường thế giới với xu hướng toàn cầu hóa. Tác động tiêu cực, ô nhiễm môi trường, hiện tượng trái đất nóng dần lên; tai nạn lao động và giao thông, các dịch bệnh mới...; vũ khí hủy diệt hàng loạt, đe dọa đến sự sống trên hành tinh.

Qua sự liên hệ này, giáo dục cho học sinh có thái độ: Biết trân trọng những công trình nghiên cứu, những phát minh khoa học mà trí tuệ con người tạo ra để phục vụ đời sống con người. Từ đó, giúp các em nhận thức được: Tuổi trẻ Việt Nam ngày nay phải cố gắng học tập, rèn luyện, để trở thành những con người được đào tạo chất lượng, đáp ứng những yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



### **3.2. Sử dụng cách thức “làm cho người học được thành công” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS**

Với môn học lịch sử, được hầu hết mọi người đặc biệt là các em học sinh THCS cho rằng, mình không có khả năng, năng khiếu để học môn Lịch sử. Các em cho rằng học lịch sử phải có năng khiếu vốn có thì mới học được, còn nếu không thì không. Đồng thời, do đặc thù của môn lịch sử khó học... vì vậy rất ít học sinh chú ý đến môn học, chỉ coi đó là môn học phụ. Bên cạnh đó, như việc đã phân tích ở trên về thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học của giáo viên dạy bộ môn Lịch sử còn yếu về phương pháp giảng dạy bộ môn, nhiều thầy cô giáo còn lúng túng khi lựa chọn phương pháp và cách thức dạy học trước những nội dung cụ thể vì vậy không giữ được nhịp độ học tập cho người học. Chính vì vậy, số lượng các em học sinh say mê học tập môn Lịch sử ngày càng giảm. Trước thực trạng đó, cả người dạy và người học đều đổ lỗi việc không thích học môn Lịch sử, không có nhu cầu học và không thành công trong việc học môn Lịch sử là do người học không có năng khiếu bẩm sinh học kiến thức lịch sử.

Qua phân tích thực trạng về thái độ của giáo viên đối với học sinh trong quá trình dạy học lịch sử, vì vậy *trước hết*, người dạy môn Lịch sử phải luôn là người trợ giúp tạo thành công cho người học bằng những *lời động viên, khích lệ, quan tâm, nhiệt tình* trong quá trình dạy học.

*Ví dụ 1: Bài 2: Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794), Phần II: Sự phát triển của cách mạng (SGK Lịch sử lớp 8)*

Sau khi đã hướng dẫn người học tìm hiểu về nguyên nhân bùng nổ cách mạng, tiến trình của cuộc cách mạng, sau đó để người học hiểu được kĩ hơn về cuộc cách mạng, giáo viên đưa thêm câu hỏi: *Tại sao thời kì chuyên chính Giacôbanh là đỉnh cao của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII?*

Nếu như đề câu hỏi như vậy, khi đọc lên các em khó có thể hình dung được câu trả lời cần có những ý gì? Nếu không có sự gợi ý câu trả lời, thì người học sẽ rất lúng túng với câu trả lời. Nên khi trả lời, học sinh thường hiểu sai vấn đề trả lời không đúng hoặc đủ ý, khi đó người học sẽ cảm thấy rất xấu hổ, cảm thấy mình bị thất bại, sẽ không có hứng thú để lần sau phát biểu ý kiến và luôn luôn có cảm giác sợ khi bị giáo viên gọi lên trả lời câu hỏi. **Để đơn giản hóa câu hỏi này, giáo viên có thể đưa ra các gợi ý** như: Phái Giacôbanh đã giải quyết được vấn đề gì có lợi cho người nông dân mà trước đó các chính quyền khác chưa làm được? người công nhân đã được hưởng những quyền lợi gì?... Với những câu hỏi gợi ý này, ngoài việc giúp người học định hình được câu trả lời cần phải trả lời những ý cơ bản nào, người học sẽ dễ dàng trả lời câu hỏi, khuyến khích nhiều học sinh tham gia cùng suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Nhờ có sự gợi ý đó, người học trả lời được gần chính xác câu hỏi, kết hợp với những lời động viên nhẹ nhàng, tình cảm của giáo viên như: *em đã trả lời gần đúng ý rồi đấy, cần cố gắng hơn; hay Câu trả lời của em khá hay, nhưng vẫn còn thiếu ý bạn nào có ý kiến bổ sung cho bạn thêm hay không? ...* Nhờ có sự khích lệ, động viên này, người học sẽ cảm thấy mình cũng khá hiểu bài, trả lời thiếu ý, chứ không phải mình trả lời sai. Nhờ có sự tác động này, kích thích vào tâm lý người học làm người học cảm thấy mình không bị thất bại, tạo cảm giác được thành công khi học. Nhờ đó, người học chú ý học bài hơn, đọc kĩ bài hơn và sẽ thường xuyên hăng hái giờ tay phát biểu hơn, để lần sau được trả lời câu hỏi chính xác hơn.

Để làm cho người học được thành công, thì trong tiến trình của giờ dạy, người dạy cũng nên đưa ra các *bài tập nhỏ (phiếu học tập)* sau một mục, một phần của bài học. Nó có tác dụng, vừa củng cố kiến thức mục, phần vừa học, vừa thay đổi không khí học tập sau khoảng thời gian phải tập trung chú ý nội dung các mục tiếp theo trong giờ học, qua đó tạo ra nhịp độ học tập cho người học được thỏa mãn, bớt căng thẳng. Đồng thời, giúp cho người học, đánh giá

được chính bản thân mình đã tiếp nhận được kiến thức đến đâu, còn thiếu và cần bổ sung kiến thức nào... Như vậy, đến các mục tiếp theo của bài học, người học sẽ tập trung, chú ý học hơn. Người học khi căng thẳng được nghỉ ngơi, khi Người dạy nên tạo ra những cú huých như vậy, đó là một chiến lược tạo thành công cho người học, giúp tạo nhu cầu học tập hơn nữa trong các giờ học lịch sử.

*Ví dụ 2: Bài 29: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam trong mục 2 phần I: Những chuyển biến về kinh tế (SGK Lịch sử lớp 8)*

Sau khi yêu cầu đọc sách giáo khoa, người học học phải hoàn thành vào đề cương trống, để tự các em xem khả năng khai thác sách giáo khoa của mình như thế nào? Qua đó giúp người học tự điều chỉnh bản thân, và tự làm cho mình được thành công.

Đọc sách giáo và hoàn thành đề cương trống dưới đây:

Chủ đề: *Chính sách khai thác, bóc lột của thực dân Pháp và những chuyển biến về kinh tế Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa*

1. Chính sách của thực dân Pháp đối với :

- Nông nghiệp: .....
- Công nghiệp: .....
- Giao thông vận tải: .....

2. Chuyển biến mới của nền kinh tế

- Nông nghiệp: .....
- Công nghiệp: .....
- Giao thông vận tải: .....

Sau khi đưa ra các phiếu học tập để học sinh hoàn thành, giáo viên nên dành thời gian để chữa bài ở trên lớp, để học sinh xem mình đã tiếp thu được kiến thức đến đâu, kết hợp với đó là việc cho điểm công bằng, giáo viên nên đối xử công bằng, không nên có thái độ thiên lệch, trù dập, hay yêu quý một đối

tượng cá biệt nào đó. Mà đối xử công bằng để tạo cảm giác cho các em, vừa có sự gần gũi quan tâm của giáo viên đến bản thân, người học sẽ chú ý học hơn.

Như vậy, với việc sử dụng cách thức này trong dạy học môn Lịch sử, một mặt thường xuyên kiểm tra kiến thức của học sinh, mặt khác qua đó tạo cho người học được cảm nhận sự tiến triển của mình. *Người dạy kiến thức lịch sử luôn là người giúp đỡ người học được thành công và nuôi thành công của mình trong quá trình tiếp nhận kiến thức lịch sử.* Đó là cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử rất hiệu quả.

### ***3.3. Sử dụng cách thức “người học được tham gia trực tiếp vào các hoạt động học tập” trong dạy học môn Lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS***

Trong mỗi tiết học, tùy thuộc vào nội dung của bài học, tùy thuộc vào trình độ của mỗi lớp học để đưa ra các hoạt động dạy học phù hợp. Trong mỗi hoạt động, người dạy là người hướng dẫn học sinh hoạt động, còn học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ động hoạt động, sáng tạo trong quá trình hoạt động ấy, nhằm tạo ra những hoạt động mang đầy tính sáng tạo, kích lệ mọi người cùng hứng thú hoạt động.

*Thứ nhất, hoạt động làm việc nhóm, một trong những hoạt động hấp dẫn học sinh, tạo bầu không khí học tập thoải mái rất thu hút người học hoạt động.*

*Ví dụ 1: Bài 3: Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới (SGK Lịch sử lớp 8), mục 1: Cách mạng công nghiệp ở Anh:*

Đây là nội dung trọng tâm của bài học, giáo viên nên dành nhiều thời gian để đi sâu vào nội dung của phần này, vì nước Anh là nước khởi đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp ở châu Âu. Trên cơ sở đó để học sinh tìm hiểu về cuộc cách mạng ở nước Đức và Pháp. Vì vậy khi giảng mục 1, sau khi giảng để học sinh hiểu về hoàn cảnh, những thành tựu trong cuộc cách mạng, đưa ra hai câu

hỏi thảo luận để các em làm việc theo nhóm, các nhóm cùng chung chủ đề thảo luận: câu 1: *Tại sao nói: việc phát minh ra máy hơi nước đó là khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở Anh?*; Câu 2: *Tại sao cách mạng công nghiệp lại nổ ra đầu tiên ở nước Anh và ngành công nghiệp dệt lại khởi đầu cho cách mạng công nghiệp Anh?*

Khi đưa ra câu hỏi thảo luận, các em được hoạt động, các nhóm được trình bày quan điểm của nhóm mình trước lớp, sau khi nhóm trình bày xong, các nhóm khác được nhận xét, bổ sung thêm ý kiến, sau đó giáo viên tổng kết, nhận xét và cho điểm. Khi dành thời gian để hoạt động nhóm, giáo viên cần phải quan sát, chú ý các thành viên trong từng nhóm. Để xem các em làm việc với nhau như thế nào? Hiệu quả ra sao? Làm sao giờ làm việc nhóm đạt hiệu quả cao nhất, người học say mê làm việc cùng nhóm, cùng đưa ra ý kiến cho nhóm cùng cố gắng để nhóm đạt được hiệu quả cao nhất. Và khi được tận tình, quan tâm giúp đỡ như vậy, người học được thực sự hoạt động, được đóng góp ý kiến và được nghe ý kiến của bạn rồi cùng thống nhất đưa ra câu trả lời. Điều đó, sẽ là chất xúc tác mạnh mẽ tạo nhu cầu học tập cho người học

Bên cạnh các nhóm cùng chung chủ đề thảo luận, thì việc đưa ra mỗi nhóm một chủ đề thảo luận, sẽ giúp các nhóm tìm hiểu kỹ về một vấn đề. Phát triển tư duy, trí tuệ cho người học. Khi mỗi nhóm một chủ đề thảo luận, giáo viên cần giao nhiệm vụ rõ ràng cho các nhóm, có các tiêu chí, thang điểm chấm điểm các nhóm. Giáo viên yêu cầu các nhóm nhận nhiệm vụ được giao, cần phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm (có biên bản nhóm), khi chấm điểm, giáo viên dựa trên biên bản làm việc nhóm để đảm bảo sự công bằng. Có như vậy, mới có thể huy động tất cả các thành viên trong nhóm cùng tham gia hoạt động nhóm một cách tích cực, chủ động.

Ví dụ 2: *bài 4: Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác (SGK Lịch sử lớp 8)*

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần một: Phong trào đấu tranh giai cấp công nhân hồi nửa đầu thế kỉ XIX. Ở phần này, học sinh không chỉ nắm được nội dung của các phong trào công nhân ở Pháp (1831), ở Đức (1844), ở Anh (1836-1848) mà còn phải so sánh được phong trào ở các nước này với phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII để thấy được bước phát triển đi lên của nó. Giáo viên có thể đưa ra bài tập sau:

Tóm tắt phong trào công nhân ở các nước Anh, Pháp, Mỹ đầu thế kỉ XIX và so sánh các phong trào này với phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII, theo bảng sau:

<b>Các nước</b>	<b>Đối tượng đấu tranh</b>	<b>Mục tiêu đấu tranh</b>	<b>Hình thức đấu tranh</b>
Pháp			
Đức			
Anh			

Với bài tập này, do thời gian có hạn chỉ có 45 phút mà có tới ba nội dung và phần này lại tìm hiểu phong trào công nhân ở ba nước khác nhau nên nếu cho cả ba nhóm cùng nhiệm vụ giống nhau cùng tìm hiểu về nội dung của cả phong trào đấu tranh của công nhân ở ba nước này sau đó so sánh phong trào công nhân ở ba nước đó với phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII thì sẽ cần nhiều thời gian nên giáo viên có thể chia lớp thành ba nhóm với ba nhiệm vụ khác nhau tìm hiểu phong trào công nhân ở 3 nước:

- *Nhóm 1: Tìm hiểu phong trào công nhân ở Pháp và so sánh nó với phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII.*
- *Nhóm 2: Tìm hiểu phong trào công nhân ở Đức và so sánh nó với*

*phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII.*

- *Nhóm 3: Tìm hiểu phong trào công nhân ở Anh và so sánh nó với phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII.*

Sau khi các nhóm đã làm việc xong, giáo viên cho các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình và cho các nhóm khác đóng góp ý kiến bổ sung. Cuối cùng giáo viên tổng kết nhận xét sự làm việc của các nhóm theo các tiêu chí đã có và nhận xét sự phát triển của phong trào công nhân đầu thế kỉ XIX với phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII.

Như vậy, để các em cùng nhau hoạt động nhóm, làm việc theo nhóm, các em sẽ cảm nhận được sự chia sẻ, sự hợp nhất ý kiến để cùng nhau đưa ra ý kiến chung nhất. Tạo được nhu cầu học tập cho các em

*Thứ hai*, hoạt động người học được là *đóng vai nhân vật lịch sử*, giúp các em hình dung được về nhân vật lịch sử, các em sẽ tự mình nhập vai lịch sử, được nói lên những ý kiến theo quan điểm của các em, hơn là giáo viên đứng thuyết giảng về nhân vật ấy và gán cho nhân vật lịch sử ấy những trách nhiệm theo như lịch sử đã diễn ra.

*Ví dụ : Bài 25: Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873 – 1884) (SGK Lịch sử lớp 8)*

Sau khi học xong bài học này, nếu giáo viên giải thích không chính xác về nhân vật Phan Thanh Giản, thì người học sẽ nghĩ phiến diện rằng đây là nhân vật bán nước, làm cho đời sống nhân dân cực khổ. Nhưng nếu như người dạy để người học đóng vai nhân vật ấy, đưa ra các câu hỏi như: *đặt vào hoàn cảnh đất nước ta như vậy, thì nếu là Phan Thanh Giản, Em sẽ làm gì?* Như vậy sẽ đặt cho người học, phải tự suy nghĩ, phải nhập vào vai nhân vật trong hoàn cảnh đó. Có như vậy, người học mới thấy được quyết định của Phan Thanh Giản là đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh của đất nước lúc bấy giờ.

Qua đó, giúp người học thấy được rằng, càng tìm hiểu lịch sử, càng thấy nhiều điều thú vị. Qua bài học, giúp các em rút ra được bài học cần phải luôn tỉnh táo sáng suốt trước khi quyết định một điều gì. Không nên để ảnh hưởng đến người khác, để khi quyết định rồi sẽ không phải hối tiếc.

Như vậy, qua việc được đóng vai nhân vật lịch sử, người học được hoạt động, qua đó để rút kinh nghiệm cho bản. Điều đó, sẽ khơi dậy được nhu cầu học tập môn lịch sử.

### ***3.4. Sử dụng cách thức “tăng tính trực quan đối với dạy học lịch sử” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS***

Việc sử dụng các phương tiện trực quan có ưu thế hơn trong việc tạo ra các hình ảnh lịch sử cụ thể, sinh động, chính xác. Tuy nhiên, đồ dùng trực quan cũng giống như các sự kiện lịch sử đã qua, chúng là những đồ vật chỉ có hình ảnh, mà không nói được. Nếu sử dụng đồ dùng trực quan trong quá trình dạy học lịch sử, mà không có lời thuyết trình thì những đồ trực quan ấy chỉ tạo nên những hình ảnh mờ nhạt, dễ quên trong nhận thức của học sinh. Vì vậy, để học sinh có biểu tượng chính xác về các sự kiện lịch sử, người ta thường kết hợp sử dụng đồ dùng trực quan với lời nói sinh động của giáo viên, mục đích nhằm nâng cao hiệu quả bài học. Đồ dùng trực quan tốt sẽ phát huy được hoạt động nhận thức của học sinh, kết hợp với hai hệ thống tín hiệu quan trọng trong quá trình nhận thức: tai nghe, mắt thấy, tác động vào tri giác của người học để người học nhận thức, tạo điều kiện cho học sinh dễ hiểu, nhớ lâu, tạo được những mối quan hệ thần kinh tạm thời khá phong phú, phát triển năng lực chú ý, quan sát, hứng thú và đặc biệt là tính tích cực hoạt động độc lập.

*Ví dụ 1: Bài 30: Cách mạng tư sản Pháp (1789 -1794) (SGK Lịch sử 8), mục I: Nước Pháp trước cách mạng*

Trong mục này, giáo viên cho học sinh quan sát bức tranh: Tình cảnh nông dân nước Pháp trước cách mạng (bức tranh được in màu, phóng to

---

***Đề tài: Xây dựng một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS***



(A0,A3) và treo lên bảng) sau đó yêu cầu các em hãy quan sát bức tranh đó miêu tả và có nhận xét gì về thân phận người nông dân Pháp trước cách mạng?

**Hình 3.1: Tình cảnh nông dân Pháp trước cách mạng**



Giáo viên đề 1 hoặc 2 em trả lời sau đó mới giải thích và miêu tả cho học sinh: “Đây là bức tranh biếm họa được xuất hiện trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, dưới bức tranh có câu: “cho đến bao giờ thì tình cảnh này chấm dứt”. Đây là tình cảnh khốn khổ của người nông dân Pháp đang còng lưng cõng một quý tộc (hình người mặc áo đen đội mũ rộng vành) và một tăng lữ (hình người ngồi phía trước mặt béo tròn). Người nông dân già yếu tay chống chiếc cuốc – công cụ lao động chủ yếu, rất thô sơ lúc bấy giờ. Ông ăn mặc rách rưới, trong túi quần, túi áo của quý tộc, tăng lữ có thò ra các tờ giấy, đó là các văn tự cho vay nợ, thuế ruộng, những quy định về nghĩa vụ phong kiến cho nông dân. Cùng với các đẳng cấp có đặc quyền (quý tộc, tăng lữ), chuột, chim bồ câu (hình ảnh các con vật ở phía dưới chân người nông dân) đang phá hoại mùa màng. Tình cảnh này đè nặng lên vai người nông dân (chiếm hơn 90% dân số) như lại không có ruộng đất, họ bị lệ thuộc chặt chẽ vào chế độ phong kiến, quý tộc có mọi đặc quyền về kinh tế, chính trị. Quanh năm người nông dân phải

làm việc nặng nhọc bằng những công cụ thô sơ, lạc hậu lại phải chịu đựng hầu hết gánh nặng của chế độ phong kiến chuyên chế. Tất cả những điều đó đưa người nông dân đến chỗ tuyệt vọng. Họ mong muốn đến ngày chấm dứt tình cảnh này, và vì vậy khi cách mạng bùng nổ, họ thực sự là một lực lượng đông đảo quyết định bước phát triển của cách mạng”.

### ***3.5. Sử dụng cách thức “để thỏa mãn nhu cầu tự khám phá kiến thức lịch sử” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS***

Có nhiều kiểu khác nhau hướng dẫn các em tự học lịch sử ở các trường phổ thông. Tùy thuộc vào nội dung kiến thức của bài học, đưa ra những kiểu học tự học, tự khám phá kiến thức cho phù hợp.

*Thứ nhất, cần lựa chọn “điểm nhấn”* nhằm xác định những nội dung quan trọng đã được học trong một bài hoặc một chương hay một phần chương trình. Để học sinh gạch chân những ý chính hoặc tóm tắt bằng những từ khóa, tóm tắt thành một câu hiểu của mình. Theo các câu hỏi đặt ra: Ai? Vào thời gian nào? Diễn biến ra sao? Kết quả?

*Ví dụ 1: Bài 27: Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX (SGK Lịch sử lớp 8)*

Để người học có thể nắm chắc được những nội dung cơ bản trong bài, sau khi học xong bài này, giáo viên nên dành thời gian để củng cố toàn bài. Giáo viên yêu cầu học sinh kết luận một câu ngắn gọn về nội dung toàn bài theo ý hiểu. Hoặc giáo viên có thể tự đưa ra kết luận, sau đó yêu cầu học sinh gạch chân vào ý chính hoặc phân tích quan điểm đó, nhằm tạo điểm nhấn trong bài học. Giáo viên có thể đưa ra kết luận sau: Cuối thế kỉ XIX, phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra rất sôi nổi, điển hình là cuộc khởi nghĩa Yên Thế, tuy nhiên những phong trào này hoàn toàn thất bại do chưa có đường lối cách mạng đúng đắn và lực lượng còn yếu...

*Thứ hai, lập bảng niên biểu tổng kết, hệ thống hóa các sự kiện cơ bản sau khi học xong một bài hoặc một chương hoặc một phần chương trình môn học. Bảng niên biểu cần được định hướng thông tin để học sinh điền nội dung phù hợp. Giáo viên cũng có thể thiết kế sẵn bảng niên biểu trống để học sinh tự chọn sự kiện cơ bản và trình bày nội dung liên quan.*

*Ví dụ 2: Bài 3: Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới (SGK Lịch sử 8)*

Sau khi học xong bài học này, học sinh cần nhớ được mốc thời gian, những thành tựu chủ yếu của cách mạng công nghiệp và nêu được hệ quả của những thành tựu đó. Để giúp các em tự củng cố được kiến thức, nên đưa ra bảng niên biểu, các em điền vào những nội dung theo gợi ý đã có, để tổng kết những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp, lấy đại diện là nước Anh.

<b>Cách mạng công nghiệp Anh</b>		<b>Tác động</b>
Thời gian	Thành tựu	

Giáo viên hướng dẫn các em điền những nội dung cần thiết sau khi học xong cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh. Sau đó, các em sẽ tự điền và cũng với bảng niên biểu này các em sẽ tự tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp ở Đức, Pháp, các em trình bày và phân tích theo sự hướng dẫn của giáo viên về cuộc cách mạng ở hai nước này. Điều này sẽ giúp các em nhớ và học tốt hơn. Giáo viên không phải mất thời gian để giới thiệu về cuộc cách mạng ở hai quốc gia đó.

Trên đây là những đề xuất của tôi về một số cách thức tạo nhu cầu học tập môn lịch sử cho học sinh THCS, có thể do năng lực còn hạn chế nên nhiều ý

kiến đề xuất của tôi vẫn còn bỏ qua, chưa đề cập đến một số cách thức khác cũng ảnh hưởng, tác động đến việc thúc đẩy tạo nhu cầu học tập môn lịch sử. Xong theo tôi nghĩ để tạo được nhu cầu học tập lịch sử cho các em học sinh THCS, thì chúng ta không chỉ quan tâm tới một vấn đề, một yếu tố nào đó mà phải có sự quan tâm tới các yếu tố từ GV, HS, nhà quản lí đến mục tiêu chương trình và phương tiện cơ sở vật chất. Mức độ quan tâm tới các yếu tố này ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn là khác nhau, nhưng điều quan trọng để tạo ra được nhu cầu học tập cho người học, thì người giáo viên đặc biệt có vai trò quan trọng trong việc tác động đến các tri giác, trạng thái tâm lý của người học nhằm khơi dậy nhu cầu học tập môn lịch sử cho học sinh THCS.

## KẾT LUẬN CHUNG

Sau khi nghiên cứu, xây dựng và tiến hành thực nghiệm một số phương pháp dạy học tích cực tạo nhu cầu học tập môn Lịch sử cho học sinh THCS, tôi xin đưa ra một số kết luận sau:

1. Trước thực trạng, trong các giờ học lịch sử ở các trường THCS, người giáo viên vẫn chưa có những phương pháp, cách thức dạy học khơi dậy được nhu cầu học tập cho người học. Để tạo được nhu cầu học tập môn lịch sử cho học sinh THCS, người giáo viên cần phải chú ý đến các đặc điểm về tri giác, sở thích, nhu cầu của các em học sinh THCS, qua đó có những biện pháp tác động đến tâm lý, tình cảm của các em. Có như vậy, mới tạo được nhu cầu học tập cho các em. Để làm được điều này, người giáo viên dạy lịch sử cần phải có nghệ thuật sư phạm khéo léo, nhanh nhạy và thật nhuần nhuyễn.

2. Để áp dụng được các cách thức tạo nhu cầu học tập, đòi hỏi người giáo viên cần hiểu được bản chất của các cách thức sau đó với việc sử dụng linh hoạt cách thức và phương pháp dạy học sao cho phù hợp với nội dung môn học, phù hợp với các đối tượng học sinh... sẽ giúp cho giờ học đạt được hiệu quả cao nhất, người học biết cách khơi dậy nhu cầu học tập, còn người học được khơi dậy nhu cầu học tập sẽ hứng thú, đam mê học, tích cực và chủ động học hơn.

Trên cơ sở kết quả của quá trình nghiên cứu, thực nghiệm, tôi xin kiến nghị một số vấn đề sau:

1. Nhà trường, xã hội, và cha mẹ học sinh cần phối hợp với nhau để giáo dục các em hiểu được ý nghĩa của việc học môn lịch sử đối với bản thân các em trong thời đại hiện nay.

2. Giáo viên phải là người chủ động, đi đầu trong công tác đổi mới các phương pháp, cách thức dạy học tích cực nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh. Phải thường xuyên trau dồi kinh nghiệm, mở rộng kiến thức. Mỗi giáo viên với tấm lòng nhiệt huyết, yêu nghề, sẽ là những chuyên gia thực sự sáng tạo

trong quá trình sử dụng những cách thức dạy học sao cho phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất nhằm khơi dậy nhu cầu học tập môn lịch sử cho học sinh THCS. Có như vậy người giáo viên lịch sử mới thực sự thành công trong quá trình truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm, nhằm tạo ra những thế hệ trẻ phát triển một cách toàn diện có đầy đủ phẩm chất, năng lực cống hiến cho đất nước.

Như vậy, để có thể khơi dậy nhu cầu học tập lịch sử cho các em học sinh THCS, điều quan trọng người giáo viên cần phải thay đổi cách suy nghĩ, thay đổi phương pháp, cách thức dạy học tác động đến tâm lý của người học. Sao cho giờ học lịch sử, lịch sử - quá khứ nhưng rất thực tế và ý nghĩa, có như vậy người học mới không cảm thấy giờ học nhàm chán, khô khan và khó hiểu. Đó sẽ là chất xúc tác khơi dậy được nhu cầu, niềm đam mê và tình yêu lịch sử cho người học.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ điển Bách khoa toàn thư triết học, NXB Bách khoa toàn thư Xô Viết, năm 1983, tr 518
2. C.Mác và Ph.Ăngghen, *toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. C. Mark và Ph.Ăngghen, *Hệ tư tưởng Đức*, Toàn tập 3, NXB sự thật, Hà Nội 1986, tr.166.
4. C.Mac và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.183.
5. Nguyễn Thị Côi, *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2006.
6. TS. Lê Thị Kim Chi, *Nhu cầu: động lực và định hướng xã hội*, tr 29, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2005.
7. *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1999, tr. 406-407
8. Đại học Quốc gia Hà Nội – Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, *Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu xã hội học – đáp ứng nhu cầu CNH – HĐH đất nước*, Kỷ yếu hội thảo quốc gia về xã hội học, HN 2001, tr 103-104).
9. Đỗ Ngọc Đạt, *Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học*, NXB Đại học Quốc gia HN, 1997, tr 97.
- 10.Đặng Thành Hưng, *Dạy học hiện đại – lí luận, biện pháp, kĩ thuật*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, HN 2002.
- 11.Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (cb), *Giáo dục học đại cương (T1)*, NXB Giáo dục.
- 12.Học viện báo chí và tuyên truyền, *Quan hệ công chúng lý luận và thực tiễn (kỷ yếu hội thảo)*, NXB chính trị quốc gia, tr 60).
- 13.Trần Thúy Lan, *Giáo trình kinh tế thương mại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr 79.
- 14.GS.TS Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm, HN 2008.
- 15.Phan Thanh Long (chủ biên) – Trần Quang Cán – Nguyễn Văn Điện, *Lý luận giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, HN 2006.
- 16.Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, *Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG  
ĐƠN VỊ**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2014*

Tôi xin cam đoan đây là SKKN của  
mình viết, không sao chép nội dung  
của người khác.

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Thị Hương**



MỤC LỤC

**PHẦN MỞ ĐẦU ..... 2**

1. Lý do chọn đề tài..... 2

2. Mục đích nghiên cứu ..... 4

3. Đối tượng khảo sát, thực nghiệm ..... 4

4. Giả thuyết khoa học..... 4

5. Nhiệm vụ nghiên cứu..... 5

7. Phương pháp nghiên cứu ..... 5

8. Cấu trúc của sáng kiến kinh nghiệm (SKKN)..... 5

**PHẦN NỘI DUNG..... 7**

**Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU ... 7**

1.1. Lý luận chung về nhu cầu..... 7

1.1.1. Một số quan điểm về nhu cầu ..... 7

1.1.2. Đặc điểm của nhu cầu ..... 8

1.1.3 Phân loại nhu cầu.....11

1.2. Nhu cầu học tập .....12

1.2.1. Khái niệm nhu cầu học tập .....12

1.2.2. Mối quan hệ giữa nhu cầu – động cơ – hứng thú.....12

1.3. Chiến lược dạy học dựa trên nhu cầu.....16

1.3.1. Phương pháp dạy học (PPDH) và việc tạo nhu cầu.....16

1.3.2. Mối quan hệ giữa PPDH và nhu cầu học tập.....17

1.4. Đặc trưng môn lịch sử trường THCS .....	18
<b>Tiểu kết chương 1 .....</b>	<b>21</b>
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ NHU CẦU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ CỦA HỌC SINH THCS.....</b>	<b>21</b>
2.1. Sở thích và nhu cầu về học tập.....	22
2.2. Thực trạng về PPDH của giáo viên đối với mục đích tạo nhu cầu .....	28
2.2.1.. Phương pháp và hình thức dạy học.....	28
2.2.2 Thực trạng thái độ của giáo viên đối với học sinh trong quá .....	33
<b>Chương 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CÁCH THỨC TẠO NHU CẦU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ CHO HỌC SINH THCS .....</b>	<b>38</b>
3.1. Sử dụng cách thức “tạo cầu nối giữa quá khứ với hiện tại” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS .....	38
3.2. Sử dụng cách thức “làm cho người học được thành công” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS .....	41
3.3. Sử dụng cách thức “người học được tham gia trực tiếp vào các hoạt động học tập” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh .....	44
3.4. Sử dụng cách thức “tăng tính trực quan đối với dạy học lịch” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS .....	48
3.5. Sử dụng cách thức “để thỏa mãn nhu cầu tự khám phá kiến thức lịch sử” trong dạy học lịch sử nhằm tạo nhu cầu học tập cho học sinh THCS.....	50
<b>KẾT LUẬN CHUNG.....</b>	<b>53</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>55</b>

